

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ THUẬT TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện
- Mã học phần: 06CQ1211
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	<i>tiết</i>	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	<i>tiết</i>
<i>Thực hành:</i>		<i>tiết</i>	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		<i>tiết</i>
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		<i>tiết</i>	<i>Làm việc nhóm:</i>		<i>tiết</i>
<i>Hoạt động khác:</i>		<i>tiết</i>			

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức tổng quát về báo chí truyền thông và truyền thông đa phương tiện; sự ra đời của các loại hình truyền thông hiện đại trên thế giới. và Việt Nam;

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: tập bài giảng của giảng viên
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: Đinh Văn Hương – Tổ chức và hoạt động của tòa soạn

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học những tri thức tổng quát về báo chí truyền thông và truyền thông đa phương tiện	PLO1, PLO3	4
G ₂	Hiểu rõ các loại hình truyền thông cơ bản	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Nắm bắt những ưu thế của truyền thông nói chung và truyền thông hiện đại hiện nay; Công nghệ truyền thông.v.v	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện

Học phần Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 4	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Cung cấp cho người học những tri thức tổng quát về báo chí, truyền thông và truyền thông đa	4.0	PLO 1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
	phương tiện.		
G1.2	Hiểu rõ các loại hình truyền thông cơ bản, vai trò và ứng dụng của từng loại hình trong môi trường truyền thông số	4.0	PLO 6
G2.1	Nắm bắt những ưu thế của truyền thông nói chung và truyền thông hiện đại, bao gồm các công nghệ truyền thông tiên tiến.	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Ứng dụng các kỹ thuật và công cụ truyền thông đa phương tiện vào thực tế sản xuất nội dung truyền thông.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Sử dụng các phần mềm và công nghệ hỗ trợ để sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Đánh giá và điều chỉnh sản phẩm truyền thông nhằm tối ưu hiệu quả truyền tải thông điệp và tương tác với công chúng.	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về Báo chí và Truyền thông đa phương tiện		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Những khái niệm cơ bản về truyền thông								
	Vai trò báo chí truyền thông trong xã hội								
	Anh hưởng của truyền thông								
	Chương 2: Tổ chức và hoạt động của tòa soạn						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Cơ cấu tổ chức bộ máy tòa soạn								
	Công tác phóng viên								
	Hội tụ tòa soạn								
	Chương 3: các loại hình báo chí truyền thông						G1.2	Yêu cầu tại lớp:	

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Báo in								
	Báo tiếng								
	Báo hình								
	Báo điện tử								
	Chương 4: lịch sử báo chí Việt Nam						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	lịch sử báo chí Việt Nam trước CMT8								
	lịch sử báo chí Việt Nam từ CMT8 đến 1975								
	lịch sử báo chí Việt Nam từ 1975 đến nay								
	Chương 5: báo chí thế giới và xu hướng phát triển hiện nay						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 6: công chúng truyền thông						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

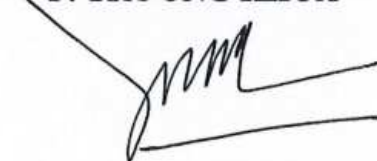
Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNME

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phân biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Tiểu luận cá nhân	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Phan Công Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT TRUYỀN THÔNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Lý thuyết truyền thông
- Mã học phần: 06CQ1210
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

☒ Đại cương		☒ Chuyên nghiệp			
		☒ Cơ sở ngành		☐ Chuyên ngành	
☐ Bắt buộc	☐ Tự chọn	☐ Bắt buộc	☐ Tự chọn	☐ Bắt buộc	☐ Tự chọn
		☐ Bắt buộc	☐ Tự chọn	☐ Bắt buộc	☐ Tự chọn

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP		tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết			

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về các lý thuyết truyền thông, giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, quá trình, mô hình và tác động của truyền thông trong xã hội. Nội dung bao gồm các trường phái lý thuyết truyền thông, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền thông, vai trò của truyền thông trong đời sống hiện đại và ứng dụng các lý thuyết vào lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các lý thuyết truyền thông vào thực tế, phục vụ cho việc xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:[1] PGS. TS Nguyễn Văn Dũng (2006), Truyền thông, lý thuyết và những kỹ năng cơ bản, NXB Lý luận chính trị Hà Nội ;[2] PGS. TS ILương Khắc Hiếu (2013), Giáo trình lý thuyết truyền thông, NXB chính trị quốc gia – sự thật Hà Nội
- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu được các khái niệm, nguyên lý cơ bản và các trường phái lý thuyết truyền thông.	PLO1, PLO3	4
G ₂	Phân tích quá trình truyền thông, các yếu tố ảnh hưởng và tác động của truyền thông trong đời sống xã hội	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Vận dụng các lý thuyết truyền thông để đánh giá, thiết kế và triển khai các chiến lược truyền thông trong môi trường đa phương tiện.	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Lý thuyết truyền thông với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Lý thuyết truyền thông

Học phần Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện	Các chuẩn đầu ra cấp độ CĐR của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện gắn nhiệm vụ học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học Lý thuyết truyền thông được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Lý thuyết truyền thông đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày các khái niệm, nguyên lý cơ bản về truyền thông và truyền thông đa phương tiện.	4.0	PLO 1
G1.2	Phân biệt các trường phái lý thuyết truyền thông và sự phát triển của chúng qua các thời kỳ.	4.0	PLO 6
G2.1	Phân tích các mô hình truyền thông và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền thông.	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Đánh giá tác động của truyền thông đối với xã hội, văn hóa và hành vi công chúng.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Ứng dụng các lý thuyết truyền thông vào việc phân tích và đánh giá chiến lược truyền thông thực tế.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Xây dựng và đề xuất các chiến lược truyền thông dựa trên nền tảng lý thuyết truyền thông phù hợp với bối cảnh thực tiễn.	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Quan niệm về truyền thông		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tỷ học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L.T	B.T	T.H	T.L				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 2: một số lý thuyết truyền thông						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 3: các dạng truyền thông						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 4: chu trình truyền thông						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 5: lập kế hoạch truyền thông						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCN-MĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

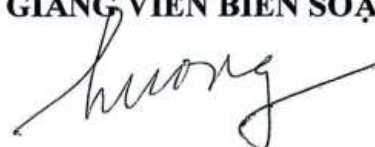
STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Trắc nghiệm/tự luận: 60 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Lý Thị Liên Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

MARKETING KỸ THUẬT SỐ VÀ MẠNG XÃ HỘI

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội
- Mã học phần: 06CQ1202 & 06CQ1195
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP				TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết				tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết		<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết		<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết		<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết				

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần gồm 9 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về các hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội, nhằm giúp người học có khả năng phân tích; xây dựng các sản phẩm truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội; tích hợp các phương tiện kỹ thuật số trong kế hoạch truyền thông đa phương tiện. Người học được giới thiệu cơ bản về cách phân loại và vận hành nhóm các phương tiện truyền thông kỹ thuật số (POEM), mô

hình truyền thông tích hợp (5A), các hoạt động marketing kỹ thuật số và một số chỉ số đánh giá hiệu quả của hoạt động marketing kỹ thuật số. Ngoài ra, học phần giới thiệu về một số công cụ phổ biến được sử dụng trong quá trình phân tích và đánh giá các hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội..

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan (2017) Marketing 4.0 (Moving from traditional to digital) NXB trẻ
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: Trung Đức (2014) Facebook Marketing. NXB Thống kê
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học những kiến thức chung về vai trò, bản chất, cách tiếp cận khách hàng mục tiêu của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như: website, mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, email ... và vai trò của chúng trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện và sự phát triển chung của xã hội;	PLO1, PLO3	4
G ₂	Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các công cụ marketing kỹ thuật số và mạng xã hội, những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng và đánh giá các hoạt động marketing kỹ thuật số	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Cách vận dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số trong tổng thể của chiến dịch truyền thông kỹ thuật số như: quy trình thực hiện, phương pháp kiểm tra và quản lý phù hợp	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Marketing kỹ thuật số và Mạng xã hội với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Marketing kỹ thuật số và Mạng xã hội.

Học phần	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần
----------	--

Marketing kỹ thuật số và Mạng xã hội	PLO 1	PLO 2	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Marketing kỹ thuật số và Mạng xã hội được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Marketing kỹ thuật số và Mạng xã hội đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày bản chất, đặc điểm và vai trò của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.	4.0	PLO 1
G1.2	Phân tích cách thức các phương tiện truyền thông kỹ thuật số tiếp cận khách hàng mục tiêu và tác động của chúng đến hành vi người dùng.	4.0	PLO 6
G2.1	Nhận diện và so sánh các công cụ marketing kỹ thuật số phổ biến, bao gồm SEO, SEM, quảng cáo hiển thị, email marketing và social media marketing.	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Ứng dụng các phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động marketing kỹ thuật số thông qua các chỉ số đo lường như ROI, CPC, CTR, Conversion Rate...	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Thiết lập quy trình thực hiện một chiến dịch truyền thông kỹ thuật số từ nghiên cứu, lập kế hoạch, triển khai đến tối ưu hóa.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Áp dụng các phương pháp đo lường, kiểm tra và quản lý chiến dịch truyền thông kỹ thuật số để tối ưu hiệu quả.	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và đặc điểm củ marketing kỹ thuật số								
	Phân loại phương tiện truyền thông trong marketing kỹ thuật số								
	Tầm quan trọng của marketing kỹ thuật số và mạng xã hội								
	Hành trình khách hàng và mô hình truyền thông tích hợp								
	Chương 2: Phân tích môi trường Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và vai trò của phân tích môi trường trong marketing kỹ thuật số								
	Môi trường nội vi và mức độ ứng dụng kỹ thuật số trong doanh nghiệp								
	Phân tích môi trường vi mô								
	Phân tích môi trường vĩ mô								
	Chương 3: Phân tích website và các chỉ số đo lường website						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525
 526
 527
 528
 529
 530
 531
 532
 533
 534
 535
 536
 537
 538
 539
 540
 541
 542
 543
 544
 545
 546
 547
 548
 549
 550
 551
 552
 553
 554
 555
 556
 557
 558
 559
 560
 561
 562
 563
 564
 565
 566
 567
 568
 569
 570
 571
 572
 573
 574
 575
 576
 577
 578
 579
 580
 581
 582
 583
 584
 585
 586
 587
 588
 589
 590
 591
 592
 593
 594
 595
 596
 597
 598
 599
 600
 601
 602
 603
 604
 605
 606
 607
 608
 609
 610
 611
 612
 613
 614
 615
 616
 617
 618
 619
 620
 621
 622
 623
 624
 625
 626
 627
 628
 629
 630
 631
 632
 633
 634
 635
 636
 637
 638
 639
 640
 641
 642
 643
 644
 645
 646
 647
 648
 649
 650
 651
 652
 653
 654
 655
 656
 657
 658
 659
 660
 661
 662
 663
 664
 665
 666
 667
 668
 669
 670
 671
 672
 673
 674
 675
 676
 677
 678
 679
 680
 681
 682
 683
 684
 685
 686
 687
 688
 689
 690
 691
 692
 693
 694
 695
 696
 697
 698
 699
 700
 701
 702
 703
 704
 705
 706
 707
 708
 709
 710
 711
 712
 713
 714
 715
 716
 717
 718
 719
 720
 721
 722
 723
 724
 725
 726
 727
 728
 729
 730
 731
 732
 733
 734
 735
 736
 737
 738
 739
 740
 741
 742
 743
 744
 745
 746
 747
 748
 749
 750
 751
 752
 753
 754
 755
 756
 757
 758
 759
 760
 761
 762
 763
 764
 765
 766
 767
 768
 769
 770
 771
 772
 773
 774
 775
 776
 777
 778
 779
 780
 781
 782
 783
 784
 785
 786
 787
 788
 789
 790
 791
 792
 793
 794
 795
 796
 797
 798
 799
 800
 801
 802
 803
 804
 805
 806
 807
 808
 809
 810
 811
 812
 813
 814
 815
 816
 817
 818
 819
 820
 821
 822
 823
 824
 825
 826
 827
 828
 829
 830
 831
 832
 833
 834
 835
 836
 837
 838
 839
 840
 841
 842
 843
 844
 845
 846
 847
 848
 849
 850
 851
 852
 853
 854
 855
 856
 857
 858
 859
 860
 861
 862
 863
 864
 865
 866
 867
 868
 869
 870
 871
 872
 873
 874
 875
 876
 877
 878
 879
 880
 881
 882
 883
 884
 885
 886
 887
 888
 889
 890
 891
 892
 893
 894
 895
 896
 897
 898
 899
 900
 901
 902
 903
 904
 905
 906
 907
 908
 909
 910
 911
 912
 913
 914
 915
 916
 917
 918
 919
 920
 921
 922
 923
 924
 925
 926
 927
 928
 929
 930
 931
 932
 933
 934
 935
 936
 937
 938
 939
 940
 941
 942
 943
 944
 945
 946
 947
 948
 949
 950
 951
 952
 953
 954
 955
 956
 957
 958
 959
 960
 961
 962
 963
 964
 965
 966
 967
 968
 969
 970
 971
 972
 973
 974
 975
 976
 977
 978
 979
 980
 981
 982
 983
 984
 985
 986
 987
 988
 989
 990
 991
 992
 993
 994
 995
 996
 997
 998
 999
 1000
 1001
 1002
 1003
 1004
 1005
 1006
 1007
 1008
 1009
 1010
 1011
 1012
 1013
 1014
 1015
 1016
 1017
 1018
 1019
 1020
 1021
 1022
 1023
 1024
 1025
 1026
 1027
 1028
 1029
 1030
 1031
 1032
 1033
 1034
 1035
 1036
 1037
 1038
 1039
 1040
 1041
 1042
 1043
 1044
 1045
 1046
 1047
 1048
 1049
 1050
 1051
 1052
 1053
 1054
 1055
 1056
 1057
 1058
 1059
 1060
 1061
 1062
 1063
 1064
 1065
 1066
 1067
 1068
 1069
 1070
 1071
 1072
 1073
 1074
 1075
 1076
 1077
 1078
 1079
 1080
 1081
 1082
 1083
 1084
 1085
 1086
 1087
 1088
 1089
 1090
 1091
 1092
 1093
 1094
 1095
 1096
 1097
 1098
 1099
 1100
 1101
 1102
 1103
 1104
 1105
 1106
 1107
 1108
 1109
 1110
 1111
 1112
 1113
 1114
 1115
 1116
 1117
 1118
 1119
 1120
 1121
 1122
 1123
 1124
 1125
 1126
 1127
 1128
 1129
 1130
 1131
 1132
 1133
 1134
 1135
 1136
 1137
 1138
 1139
 1140
 1141
 1142
 1143
 1144
 1145
 1146
 1147
 1148
 1149
 1150
 1151
 1152
 1153
 1154
 1155
 1156
 1157
 1158
 1159
 1160
 1161
 1162
 1163
 1164
 1165
 1166
 1167
 1168
 1169
 1170
 1171
 1172
 1173
 1174
 1175
 1176
 1177
 1178
 1179
 1180
 1181
 1182
 1183
 1184
 1185
 1186
 1187
 1188
 1189
 1190
 1191
 1192
 1193
 1194
 1195
 1196
 1197
 1198
 1199
 1200
 1201
 1202
 1203
 1204
 1205
 1206
 1207
 1208
 1209
 1210
 1211
 1212
 1213
 1214
 1215
 1216
 1217
 1218
 1219
 1220
 1221
 1222
 1223
 1224
 1225
 1226
 1227
 1228
 1229
 1230
 1231
 1232
 1233
 1234
 1235
 1236
 1237
 1238
 1239
 1240
 1241
 1242
 1243
 1244
 1245
 1246
 1247
 1248
 1249
 1250
 1251
 1252
 1253
 1254
 1255
 1256
 1257
 1258
 1259
 1260
 1261
 1262
 1263
 1264
 1265
 1266
 1267
 1268
 1269
 1270
 1271
 1272
 1273
 1274
 1275
 1276
 1277
 1278
 1279
 1280
 1281
 1282
 1283
 1284
 1285
 1286
 1287
 1288
 1289
 1290
 1291
 1292
 1293
 1294
 1295
 1296
 1297
 1298
 1299
 1300
 1301
 1302
 1303
 1304
 1305
 1306
 1307
 1308
 1309
 1310
 1311
 1312
 1313
 1314
 1315
 1316
 1317
 1318
 1319
 1320
 1321
 1322
 1323
 1324
 1325
 1326
 1327
 1328
 1329
 1330
 1331
 1332
 1333
 1334
 1335
 1336
 1337
 1338
 1339
 1340
 1341
 1342
 1343
 1344
 1345
 1346
 1347
 1348
 1349
 1350
 1351
 1352
 1353
 1354
 1355
 1356
 1357
 1358
 1359
 1360
 1361
 1362
 1363
 1364
 1365
 1366
 1367
 1368
 1369
 1370
 1371
 1372
 1373
 1374
 1375
 1376
 1377
 1378
 1379
 1380
 1381
 1382
 1383
 1384
 1385
 1386
 1387
 1388
 1389
 1390
 1391
 1392
 1393
 1394
 1395
 1396
 1397
 1398
 1399
 1400
 1401
 1402
 1403
 1404
 1405
 1406
 1407

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Khái niệm và phân loại website trong hoạt động truyền thông kỹ thuật số								
	Phân tích website								
	Một số chỉ số đánh giá website								
	Chương 4: Marketing qua công cụ tìm kiếm						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Tổng quan về công cụ tìm kiếm								
	Vai trò của công cụ tìm kiếm trong hoạt động truyền thông website								
	Phương pháp tối ưu website theo công cụ tìm kiếm (SEO)								
	Quảng cáo tìm kiếm trả tiền								
	Một số chỉ số đánh giá hiệu quả truyền thông qua công cụ tìm kiếm								
	Chương 5: Mạng xã hội và hoạt động marketing trên mạng xã hội						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm về mạng xã hội và truyền thông trên mạng xã hội								
	Các công cụ truyền thông trên mạng xã hội								
	Hoạt động marketing qua các công cụ truyền thông trên mạng xã hội								
	Xây dựng và quản lý nội dung truyền thông trên mạng xã hội								
	Một số chỉ số đánh giá hiệu quả truyền thông trên mạng xã hội								
	Chương 6 Email marketing						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và vai trò của Email marketing								
	Phương pháp triển khai hoạt động Email marketing								
	Một số chỉ số đánh giá cơ bản về email marketing								
	Chương 7: Mobile marketing						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và vai trò của Mobile Marketing								
	Phương pháp triển khai và một số chỉ số đánh giá về Mobile marketing								
	Chương 8: Quảng cáo và PR trực tuyến						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và vai trò của quảng cáo trực tuyến								
	Mô hình vận hành và một số hình thức quảng cáo trực tuyến								
	Khái niệm PR trực tuyến và quy trình xử lý khủng hoảng trên phương tiện truyền thông kỹ thuật số								
	Chương 9 : Xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm								
	Nội dung cơ bản của kế hoạch truyền thông kỹ thuật số								
	Phương pháp giám sát mục tiêu và đo lường hiệu quả của kế hoạch								

ĐẠI HỌC
TÂY BẮC

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

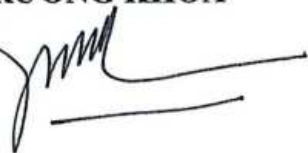
Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Thi tự luận: 60 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Quang Đăng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Nghệ thuật nhiếp ảnh
- Mã học phần: 06CQ1227
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒			
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TONG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TONG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	105	tiết
Thực hành:	15	tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về máy ảnh và các thiết bị liên quan. Cung cấp những kiến thức về kỹ thuật, làm chủ máy chụp hình và phương pháp chụp, chế độ chụp cho các môi trường khác nhau, cách sử dụng tốc độ, khẩu độ, ISO, các chế độ chụp Auto, Manual. Cung cấp kiến thức về màu sắc, ánh sáng, và sử

dụng định dạng JPEG, RAW... Các nguyên tắc và thủ pháp về thị giác trong nhiếp ảnh để chủ động lấy bố cục, ánh sáng sao cho bức ảnh đẹp và có ý nghĩa.

Giúp người học biết cách áp dụng các thủ pháp về kỹ thuật, nghệ thuật vào từng trường hợp cụ thể trong đời sống hàng ngày, tạo nên những bức ảnh ấn tượng và đầy xúc cảm. Hiểu được kỹ thuật xóa phông hậu cảnh, chụp ngược sáng, thừa/ thiếu sáng.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: Nghệ thuật nhiếp ảnh
- Tài liệu tham khảo/bổ sung:
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học những kiến thức chung về máy ảnh và các thiết bị liên	PLO 1, PLO 3	4
G ₂	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, làm chủ máy chụp hình và phương pháp chụp, chế độ chụp cho các môi trường khác nhau; Hiểu biết về cách sử dụng tốc độ, khẩu độ, ISO, các chế độ chụp Auto, Manual; Hiểu biết về màu sắc, ánh sáng, và sử dụng định dạng JPEG, RAW...; Nắm được các nguyên tắc và thủ pháp về thị giác trong nhiếp ảnh để chủ động lấy bố cục, ánh sáng sao cho bức ảnh đẹp và có ý nghĩa.	PLO 2, PLO 6	4
G ₃	Trang bị kiến thức để có được để người học biết cách áp dụng các thủ pháp về kỹ thuật, nghệ thuật vào từng trường hợp cụ thể trong đời sống hàng ngày, tạo nên những bức ảnh ấn tượng và đầy xúc cảm. Hiểu được kỹ thuật xóa phông hậu cảnh, chụp ngược sáng, thừa/ thiếu sáng.	PLO 4, PLO 5	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Nghệ thuật nhiếp ảnh với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Nghệ thuật nhiếp ảnh.

Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo			
--	--	--	--

Học phần Thiết kế web	Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 8	PLO 9
Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghệ thuật nhiếp ảnh được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Nghệ thuật nhiếp ảnh đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Người học hiểu về máy ảnh và các thiết bị liên quan.		PLO 1, PLO 3
G1.2	Người học biết các kỹ thuật, làm chủ máy chụp hình và phương pháp chụp, chế độ chụp cho các môi trường khác nhau.	4.0	PLO 2, PLO 4
G2.1	Người học hiểu biết về cách sử dụng tốc độ, khẩu độ, ISO, các chế độ chụp Auto, Manual	5.0	PLO 4, PLO 6
G2.2	Người học có thể hiểu biết về màu sắc, ánh sáng, và sử dụng định dạng JPEG, RAW	5.0	PLO 4, PLO 5
G3.1	Người học hiểu được các nguyên tắc và thủ pháp về thị giác trong nhiếp ảnh để chủ động lấy bố cục, ánh sáng sao cho bức ảnh đẹp và có ý nghĩa.	4.0	PLO 5, PLO 7
G3.2	Người học hiểu được và chọn được máy ảnh phù hợp với nhu cầu sử dụng	4.0	PLO 5, PLO 6

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Buổi 1	Chương 1: Làm quen với thiết bị chụp hình	4	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Tìm hiểu về máy ảnh								
	Các bộ phận và tính năng của máy ảnh								
	Các chế độ chụp								
Buổi 2	Chương 2: Kỹ thuật chụp hình	4					G2.1		
	Kỹ thuật căn bản (thao tác cầm máy, thao tác chụp hình, kỹ năng chỉnh nét và chỉnh sáng)								
	Nguyên tắc chụp hình (Kiểm tra hiện trạng máy móc, Kiểm tra các thông số kỹ thuật của máy, Thiết định các thông số kỹ thuật chụp ảnh)								
	Độ nét sâu của trường ảnh						G1.2		
Buổi 3	Tốc độ chụp ảnh								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Các chế độ đo sáng (Đo sáng phức hợp, Đo sáng trung tâm, Đo sáng điểm, Hiệu chỉnh kết quả đo sáng)								
	Các hiệu chỉnh khác (Cân bằng trắng, Độ nhạy sáng ISO)								
Buổi 4	Chương 3: Bố cục tạo hình trong nghệ thuật nhiếp ảnh	4					G3.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Bố cục tạo hình cho ảnh tĩnh-động								
	Các quy tắc căn bản trong bố cục khung hình								
Buổi 5	Quy tắc bố cục 1/3								
	Ngôn ngữ của bố cục								
	Các lỗi bố cục phổ biến								
Buổi 6	Chương 4: Tính chất, công dụng và tiêu cự của các loại ống kính	4						Yêu cầu tại lớp:	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Ống kính nomal (trung bình)								
	Ống kính wide (góc rộng)								
	Ống kính Tele (góc hẹp)								
	Ống kính Zoom (đa tiêu cự)	4							
	Ống kính đặc biệt								
Buổi 7	Chụp xóa background								
	Thực hành với các loại ống kính								
Buổi 8	Chương 5: Ánh sáng trong nhiếp ảnh	4						Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Ảnh sáng tự nhiên và nhân tạo								
	Ảnh sáng thuận								
	Ảnh sáng bên								
	Ảnh sáng ngược								
Buổi 9, 10, 11	Chương 6: Nghệ thuật chụp các thể loại ảnh	4						Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Ảnh phong cảnh								
	Ảnh chân dung								
	Ảnh báo chí								
	Ảnh sinh hoạt								
	Thực hành								
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. <i>Báo cáo cuối kỳ</i>	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Hình thức thi: Sản phẩm nhiếp ảnh

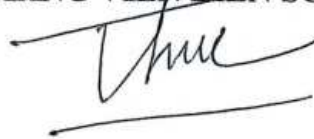
- Sinh viên thực hiện một bộ ảnh theo chủ đề được giao hoặc tự chọn (có sự phê duyệt của giảng viên).
- Bộ ảnh gồm tối thiểu 5 - 10 bức, thể hiện rõ ý tưởng và kỹ thuật nhiếp ảnh.
- Ứng dụng các kỹ thuật nhiếp ảnh như bố cục, ánh sáng, màu sắc, góc chụp,...
- Chỉnh sửa hậu kỳ cơ bản, đảm bảo chất lượng ảnh.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Tri Thức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Nghiên cứu thị trường
- Mã học phần: 06CQ1215
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒			
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐	Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP		tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết			

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Nghiên cứu thị trường trên các lĩnh vực khác nhau: marketing, quản trị truyền thông – PR, văn hóa tổ chức doanh nghiệp và xã hội, nghiên cứu về giới trẻ, nghiên cứu người lao động và nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng. Nhận biết được nghiên cứu thị trường bao gồm những vấn đề gì và cách thức tiến hành một nghiên cứu. Thực hiện một đề xuất nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu và biết

các phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu. Biết soạn thảo và thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. Chọn lựa các phương pháp thu thập thông tin và xử lý dữ liệu phù hợp. Giải thích được ý nghĩa của kết quả nghiên cứu. Sinh viên được yêu cầu rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc nhóm. Sau khóa học sinh viên có thể nắm vững qui trình, các phương pháp cần thiết cho việc nghiên cứu thị trường và chuẩn bị cho một bài báo cáo kết quả nghiên cứu.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: Marketing Research – A problem solving approach, Seymour Sudman & Edward Blair, Mc Graw Hill, 1999
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: Nghiên cứu thị trường, Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang, NXB Đại học quốc gia, 2007
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu được các khái niệm cơ bản về nghiên cứu thị trường, vai trò và ứng dụng của nghiên cứu thị trường trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.	PLO1, PLO3	4
G ₂	Phân tích và áp dụng các phương pháp thu thập, xử lý, và đánh giá dữ liệu để đưa ra nhận định về thị trường truyền thông.	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Vận dụng kỹ năng nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và xu hướng thị trường.	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Nghiên cứu thị trường với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Nghiên cứu thị trường.

Học phần Nghiên cứu thị trường	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghiên cứu thị trường được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghiên cứu thị trường đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày các khái niệm cốt lõi về nghiên cứu thị trường, bao gồm phương pháp, quy trình và ứng dụng trong truyền thông.	4.0	PLO 1
G1.2	Giải thích vai trò của nghiên cứu thị trường trong việc xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả.	4.0	PLO 6
G2.1	Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu định tính và định lượng trong nghiên cứu thị trường truyền thông.	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Xử lý và phân tích dữ liệu để xác định xu hướng, nhu cầu và hành vi của đối tượng mục tiêu.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Đề xuất chiến lược truyền thông dựa trên dữ liệu nghiên cứu thị trường.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Đánh giá hiệu quả của chiến lược truyền thông thông qua phân tích kết quả nghiên cứu thị trường.	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về nghiên cứu thị trường		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 2: Quy trình nghiên cứu thị trường						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 3: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Chương 4: báo cáo kết quả nghiên cứu	10					G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Tổng	45							

V
A
G
IC
3HỆ
ING
O

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
------------------------	--------------	----------------	-------------------	----------------	-------

	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. <i>Báo cáo cuối kỳ</i>	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

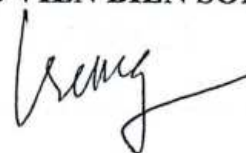
STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Thi trắc nghiệm/tự luận: 60 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Minh Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ THUẬT TRƯỜNG QUAY

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Kỹ thuật trường quay
- Mã học phần: 06CQ1233
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐		
		Cơ sở ngành ☐	Chuyên ngành ☒	Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:		tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần gồm 9 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về trường quay, kỹ thuật viên trường quay. Người học được giới thiệu cơ bản về ánh sáng, âm thanh và tạo hình quay phim. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp cho sinh viên xây dựng hệ thống đường hình đường tiếng, hệ thống liên lạc nội bộ, ánh sáng trường quay...sao cho hiệu quả. Ngoài ra,

học phần giúp sinh viên những kỹ năng chạy setup toàn hệ thống, chạy duyệt chương trình theo kịch bản, ON AIR/LIVE/LIVESTREAM.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: Tập bài giảng môn học
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: [1] Bruno Toussaint (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình* (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch), NXB DIXIT/Jean Pierre Fougea – Hội điện ảnh Việt Nam [2] Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB thông tin.
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về trường quay, về kỹ thuật viên trường quay. Kỹ thuật viên trường quay phải am hiểu các hệ thống thiết bị bên trong trường quay do mình quản lý, hiểu được ý tưởng sản xuất của bên nội dung để phối hợp, chuẩn bị thiết bị phù hợp, đồng bộ.	PLO 3 PLO 4	4
G ₂	Cung cấp sinh viên kiến thức cơ bản về tạo hình quay phim như cỡ cảnh, bố cục, góc máy, động tác máy, trục máy.	PLO 1, PLO 2	4
G ₃	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các thông số cơ bản của các thiết bị đèn chiếu sáng, bàn điều khiển ánh sáng, bàn điều khiển ánh sáng, hệ thống camera trong trường quay, bàn trộn hình ảnh, hệ thống âm thanh gồm micro, bàn trộn âm thanh, thiết bị liên lạc intercom....	PLO 7, PLO 8 PLO 9	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản.

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITE của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm của học phần							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 8	PLO 9

Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Chỉ ra được những nội dung về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy trong trường quay và các khu vực xung quanh; mô tả được chức năng của hệ thống các thiết bị sử dụng khi sản xuất các chương trình truyền hình trong trường quay.	4.0	PLO 1 PLO 6
G1.2	Trình bày được đặc điểm về âm thanh, hình ảnh, ánh sáng trong các chương trình truyền hình;	4.0	PLO 2 PLO 5
G2.1	Giải thích được các thông số cơ bản của các thiết bị đèn chiếu sáng, bàn đ	5.0	PLO 4 PLO 8
G2.2	Người học hiểu được sự phối hợp giữa đạo diễn với các bộ phận khác để công việc được thuận lợi hơn.	5.0	PLO 3 PLO 9
G3.1	Định hướng nghề, động cơ khởi nghiệp và thái độ học tập suốt đời trong quá trình học tập làm phim	4.0	PLO 4 PLO 7
G3.2	Thực hiện công việc của một đạo diễn để ra sản phẩm nghệ thuật cơ bản.	4.0	PLO 8 PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Buổi 1	Chương 1: Nhập môn nghiệp vụ đạo diễn	4	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	
	Khái quát về nghề đạo diễn								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Buổi 2	Công việc của đạo diễn	4						Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Các nhóm vấn đề của công việc đạo diễn								
Buổi 3	Chương 2: Lao động sáng tạo của đạo diễn	5					G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh								
	Chi đạo diễn xuất								
Buổi 4	Kỹ năng xử lý từ khi nhận kịch bản, break-down kịch bản	4					G3.2		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Các kỹ năng làm việc với quay phim, thiết kế mỹ thuật, âm thanh								
	Tư duy dựng ngay từ trên hiện trường								
Buổi 5	Chương 3: Dàn cảnh điện ảnh	4					G2.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Dàn cảnh diễn viên								
Buổi 6	Dàn cảnh đạo cụ	4							
	Chi tiết trong điện ảnh								
Buổi 7	Chương 4: Tổ chất để dẫn tới thành công	4					G2.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ	

✓
 JNC
 HỌC
 NG
 ĐÔI
 ✓

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Trí tưởng tượng phong phú								
Buổi 8	Khả năng hiện thực hóa trí tưởng tượng	4					G3.2		
	Vốn kiến thức, trải nghiệm sống								
Buổi 9	Nhạy cảm về tâm lý						G3.2		
	Óc sắp xếp, tổ chức								
Buổi 10, 11	Tổng kết đánh giá						G1.1 -G3.2		
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCN-MĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. <i>Báo cáo cuối kỳ</i>	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phân biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
01	Kết thúc học phần	Viết kịch bản phân cảnh một truyện ngắn hoặc 1 đoạn truyện	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Đinh Kim Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **PROJECT DESIGN 1 - DỰ ÁN CHIẾN DỊCH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG VÀ QUẢNG CÁO**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 03
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐					
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP		tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>	30	tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>	30	tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Môn học này được thiết kế giúp người học áp dụng các kiến thức về nguyên tắc quan hệ công chúng, phương pháp nghiên cứu, chiến lược, truyền thông bằng lời và hình ảnh để phát triển một chiến dịch quan hệ công chúng cho một khách hàng. Người học sẽ phát triển kinh nghiệm trực tiếp liên quan đến một yếu tố của một chiến dịch truyền thông chiến lược. Học phần này liên quan đến các môn học: Marketing và truyền thông, Marketing số và thương hiệu, Nghiên cứu marketing và Hành vi người tiêu dùng.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:
 - o **"Public Relations: Strategies and Tactics"** của Dennis L. Wilcox và Glen T. Cameron. Cuốn sách này đã được dịch sang tiếng Việt và có sẵn tại một số thư viện đại học.
 - o **"Cutlip & Center's Effective Public Relations"** của Glen M. Broom và Bey-Ling Sha. Phiên bản tiếng Việt của cuốn sách này cũng có sẵn tại các thư viện và nhà sách.
 - o **"Hoạch định chiến lược PR" (Strategic Planning for Public Relations)** của Ronald D. Smith. Cuốn sách này đã được dịch sang tiếng Việt và có thể tìm thấy tại một số nguồn trực tuyến.
- Tài liệu tham khảo:
 - o **"The Practice of Public Relations"** của Fraser P. Seitel. Cuốn sách này có phiên bản tiếng Việt và có sẵn tại một số thư viện và nhà sách.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	MÔ TẢ	CBĐ của CTĐT	TĐNL
G1	Về kiến thức: - Nguyên tắc quan hệ công chúng: Hiểu và áp dụng các nguyên tắc cơ bản của quan hệ công chúng trong các tình huống thực tế. - Phương pháp nghiên cứu: Nắm vững và thực hành các phương pháp nghiên cứu cần thiết để thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ cho chiến dịch quan hệ công chúng. - Chiến lược: Hiểu biết sâu về các chiến lược phát triển và triển khai một chiến dịch quan hệ công chúng. - Truyền thông bằng lời và hình ảnh: Sử dụng hiệu quả các kỹ thuật truyền thông bằng lời và hình ảnh để tạo ra thông điệp phù hợp và hấp dẫn cho khách hàng.		
G2	Về kỹ năng: - Phát triển chiến dịch: Có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá một chiến dịch quan hệ công chúng toàn diện. - Truyền thông: Cải thiện kỹ năng truyền thông bằng lời và hình ảnh để tạo ra những thông điệp thuyết phục và chuyên nghiệp.		

	- Làm việc nhóm: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp với các thành viên khác để đạt được mục tiêu chung của chiến dịch. - Phân tích và đánh giá: Có khả năng phân tích và đánh giá hiệu quả của các hoạt động quan hệ công chúng dựa trên dữ liệu thu thập được.		
G3	Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: - Tự chủ trong học tập: Phát triển thái độ tự chủ, tự giác trong việc tìm hiểu và áp dụng kiến thức vào thực tiễn. - Trách nhiệm nghề nghiệp: Đề cao trách nhiệm nghề nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp trong quan hệ công chúng. - Tư duy phản biện: Khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến chiến dịch quan hệ công chúng. - Cam kết với khách hàng: Xây dựng cam kết mạnh mẽ với khách hàng, đảm bảo cung cấp các giải pháp tốt nhất và đạt được mục tiêu của chiến dịch.		

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Project Design 1 - Dự án Chiến lược Quan hệ Công chúng và Quảng cáo với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa Phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa Phương tiện cho học phần Project Design 1.

Ký hiệu	CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể	CĐR của CTĐT
	Kiến thức	
CELO1	Hiểu và áp dụng các nguyên tắc quan hệ công chúng trong các tình huống thực tế. Hiểu biết sâu về các chiến lược phát triển và triển khai một chiến dịch quan hệ công chúng.	ELO 2.1
CELO2	Nắm vững phương pháp nghiên cứu để thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ cho chiến dịch quan hệ công chúng. Sử dụng hiệu quả các kỹ thuật truyền thông bằng lời và hình ảnh để tạo ra thông điệp phù hợp và hấp dẫn cho khách hàng.	ELO 4.1

	Kỹ năng	
CELO3	Có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá một chiến dịch quan hệ công chúng toàn diện. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp với các thành viên khác để đạt được mục tiêu chung của chiến dịch.	ELO 6.2
CELO4	Cải thiện kỹ năng truyền thông bằng lời và hình ảnh để tạo ra những thông điệp thuyết phục và chuyên nghiệp. Có khả năng phân tích và đánh giá hiệu quả của các hoạt động quan hệ công chúng dựa trên dữ liệu thu thập được.	ELO 6.5
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CELO5	Phát triển thái độ tự chủ, tự giác trong việc tìm hiểu và áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Đề cao trách nhiệm nghề nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp trong quan hệ công chúng. Khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến chiến dịch quan hệ công chúng. Xây dựng cam kết mạnh mẽ với khách hàng, đảm bảo cung cấp các giải pháp tốt nhất và đạt được mục tiêu của chiến dịch.	ELO 9.1

2.1. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của học phần cho các ELOs)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức				Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9
1.		Project Design 1:	2		H		H		S			S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L	B	T	TL				
1	Lý thuyết:	3		4		10		Phân nhóm để triển khai.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	- Giới thiệu về quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo. - Khái niệm và nguyên tắc cơ bản của PR và quảng cáo. Thực hành: - Thảo luận nhóm: Phân tích các chiến dịch PR và quảng cáo thành công.							Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
2	Lý thuyết: - Phương pháp nghiên cứu trong PR và quảng cáo. - Các kỹ thuật thu thập và phân tích dữ liệu. Thực hành: - Thiết kế bảng khảo sát và phân tích dữ liệu mẫu.	2		6		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
3	Lý thuyết: - Chiến lược phát triển và triển khai chiến dịch PR và quảng cáo. - Các bước lập kế hoạch chiến dịch. Thực hành: - Lập kế hoạch: Xây dựng khung kế hoạch cho chiến dịch PR của Nhóm.	4		2		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
4	Lý thuyết: - Kỹ năng truyền thông bằng lời (nói và viết) trong PR và quảng cáo.	4		2		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	- Cách tạo thông điệp thuyết phục. Thực hành: - Viết thông cáo báo chí và kịch bản quảng cáo.								
5	Lý thuyết: - Kỹ năng truyền thông bằng hình ảnh và phương tiện truyền thông số. - Thiết kế hình ảnh và video quảng cáo. Thực hành: Tạo video ngắn và hình ảnh quảng cáo cho chiến dịch.	2		6		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
6	Lý thuyết: - Quản lý và đo lường hiệu quả chiến dịch PR và quảng cáo. - Các chỉ số và công cụ đo lường hiệu quả. Thực hành: - Đánh giá hiệu quả của một chiến dịch PR thực tế.	4		2		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
7	Lý thuyết: - Kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp trong chiến dịch PR và quảng cáo. - Vai trò của từng thành viên trong nhóm. Thực hành: - Thảo luận nhóm: Phân chia nhiệm vụ và lập kế hoạch chi tiết cho từng thành viên.	4		2		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
8	Lý thuyết: - Tư duy phản biện và sáng tạo trong PR và quảng cáo. - Các phương pháp khuyến khích sáng tạo. Thực hành: Động não (brainstorm) ý tưởng sáng tạo cho chiến dịch.	4		2		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
9	Lý thuyết: - Tóm tắt và ôn tập các kiến thức đã học. - Chuẩn bị cho buổi thuyết trình và đánh giá chiến dịch. Thực hành: - Thực hành: Thuyết trình chiến dịch PR và quảng cáo của nhóm trước lớp, nhận phản hồi và đánh giá.	3		4		10		Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm Trình bày theo nhóm và nhận kết quả cuối kỳ (không thi)	
	Tổng	30	0	30	0	90			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Tham dự lớp (10%)	Thảo luận, phát biểu (10%)	Thuyết trình nhóm (10%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thuyết trình cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ

CELO 2	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 5			x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ

Bảng 2 Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Dự lớp	10%	Hàng tuần
2	Thảo luận	10%	Hàng tuần
3	Thuyết trình	10%	1-2 lần/hk
4	Thi giữa học kỳ	20%	Tuần 5
5	Thuyết trình cuối học kỳ	50%	Cuối kỳ
	Tổng	100%	

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

- Không áp dụng ma trận câu hỏi, triển khai đánh giá chính trên nội dung và trình bày các bài tập nhóm.

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Lê Minh Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: **PROJECT DESIGN 2 - DỰ ÁN TỔ CHỨC SỰ KIỆN THỰC CHIẾN**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 03
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐					
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	30	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:	30	tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Project Design 2 "Dự án Tổ chức Sự kiện Thực chiến" nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thực hành quan trọng trong việc tổ chức, quản lý và vận hành các sự kiện. Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên nắm vững quy trình quản lý sự kiện từ việc lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực đến kiểm soát và đánh giá rủi ro. Sinh viên còn được trang bị các kỹ năng truyền thông, đặc biệt là khả năng sử dụng các công cụ tiếp thị để quảng bá sự kiện.

Học phần này nằm ở vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo, giúp sinh viên chuyển từ lý thuyết sang thực tế. Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Truyền thông Đa Phương tiện, đóng vai trò cốt lõi trong việc kết nối các kiến thức đã học từ các môn như Marketing, Nghiên cứu Hành vi Người tiêu dùng và Quản lý Dự án.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:
 - o **"Quản lý sự kiện - Từ lý thuyết đến thực tiễn"** của tác giả Trần Đình Cửu. Cuốn sách này cung cấp kiến thức toàn diện về quy trình quản lý sự kiện, từ lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực đến kiểm soát và đánh giá rủi ro. Đây là tài liệu hữu ích cho những ai muốn nắm vững lý thuyết và ứng dụng vào thực tế.
 - o **"Tổ chức sự kiện - Những vấn đề cơ bản"** của tác giả Nguyễn Văn Hồng. Cuốn sách này giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm và quy trình cơ bản trong tổ chức sự kiện, đồng thời cung cấp các ví dụ minh họa cụ thể để dễ dàng áp dụng.
- Tài liệu tham khảo:
 - o **"Marketing sự kiện"** của tác giả Nguyễn Xuân Hữu. Cuốn sách này tập trung vào các kỹ năng truyền thông và tiếp thị sự kiện, giúp sinh viên nắm vững cách sử dụng các công cụ tiếp thị để quảng bá sự kiện một cách hiệu quả.
 - o **"Tổ chức sự kiện chuyên nghiệp"** của tác giả Lê Thị Thanh Hương. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích với những phương pháp và kỹ thuật tổ chức sự kiện chuyên nghiệp, từ việc lập kế hoạch chi tiết đến thực hiện và đánh giá hiệu quả của sự kiện.
 - o **"Quản trị sự kiện"** của tác giả Phạm Văn Thành. Cuốn sách này cung cấp kiến thức về quản trị sự kiện, giúp sinh viên hiểu rõ các khía cạnh quản lý và vận hành sự kiện một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu chính của học phần "Quản trị Sự kiện Thực chiến" là trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực tế và kiến thức cần thiết để quản lý và vận hành các sự kiện. Môn học này giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các quy trình, từ lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực, cho đến việc phân tích và kiểm soát rủi ro trong quá trình tổ chức sự kiện. Qua đó, sinh viên không chỉ nắm vững cách tổ chức một sự kiện từ đầu đến cuối, mà còn học cách đánh giá, giám sát và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.

Học phần cũng đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các kỹ năng mềm, như khả năng điều phối nhóm, làm việc nhóm hiệu quả và sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại cho sự kiện. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng truyền thông marketing, từ việc sử dụng mạng xã hội đến các chiến lược quảng bá nhằm thu hút khán giả mục tiêu.

Thông qua học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội tiếp cận với các tình huống thực tế và học cách xử lý những thách thức trong ngành tổ chức sự kiện, từ khâu chuẩn bị đến khâu vận hành. Đặc biệt, học phần còn nhấn mạnh đến ý thức về trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong quản lý sự kiện, giúp sinh viên phát triển tư duy bền vững và làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và phức tạp.

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Project Design 2 - Dự án Tổ chức sự kiện thực chiến với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa Phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Truyền thông Đa Phương tiện cho học phần Project Design 2.

Ký hiệu	CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể	
	Kiến thức	
CELO1	Nắm vững các quy trình quản lý sự kiện từ lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực đến kiểm soát và đánh giá rủi ro.	ELO 2.1
	Hiểu rõ các nguyên tắc và phương pháp tổ chức, quản lý và vận hành sự kiện.	
CELO2	Có kiến thức về các công cụ tiếp thị và phương pháp quảng bá sự kiện một cách hiệu quả.	ELO 4.1
	Hiểu biết về các yếu tố cần thiết để xây dựng và thực hiện các chiến dịch truyền thông cho sự kiện.	
	Kỹ năng	
CELO3	Phát triển kỹ năng lập kế hoạch chi tiết cho sự kiện, bao gồm việc xác định mục tiêu, phân bổ nguồn lực và lập ngân sách.	ELO 6.2
	Nâng cao kỹ năng quản lý và điều phối các hoạt động trong sự kiện, bao gồm việc giám sát, kiểm soát và xử lý các tình huống phát sinh.	
	Cải thiện kỹ năng truyền thông và tiếp thị, đặc biệt là khả năng sử dụng các công cụ truyền thông số và mạng xã hội để quảng bá sự kiện.	
CELO4	Trang bị kỹ năng phân tích và đánh giá rủi ro, đảm bảo các biện pháp dự phòng và xử lý tình huống khẩn cấp hiệu quả.	ELO 6.5
	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp với các thành viên trong nhóm để tổ chức sự kiện thành công.	
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

Y C
TRU
ĐẠI
ÔNG
HIỂN

CELO5	Phát triển thái độ tự chủ, tự giác trong việc học tập và áp dụng kiến thức vào thực tiễn tổ chức sự kiện.	ELO 9.1
	Đề cao trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy tắc và đạo đức trong ngành tổ chức sự kiện.	
	Khuyến khích tư duy sáng tạo và phản biện trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện.	
	Xây dựng cam kết mạnh mẽ với khách hàng và đồng nghiệp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả của sự kiện được tổ chức.	
	Phát triển thái độ tự tin và khả năng thích ứng nhanh chóng với các thay đổi và thử thách trong quá trình tổ chức sự kiện.	

2.1. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của học phần cho các ELOs)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức				Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9
1.		Project Design 2	2		H		H		S			S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thứ tự (Thứ)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
1	Lý thuyết: - Giới thiệu về tổ chức sự kiện và quản lý sự kiện. - Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của quản lý sự kiện. Thực hành: Thảo luận nhóm: Phân tích các sự	3		4		10		- Sử dụng giáo trình "Quản lý sự kiện - Từ lý thuyết đến thực tiễn" của Trần Đình Cửu. - Phân nhóm để triển khai. - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	kiện đã tổ chức và rút ra bài học kinh nghiệm.							hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
2	Lý thuyết: - Quy trình lập kế hoạch tổ chức sự kiện. - Các bước phân bổ nguồn lực và lập ngân sách Thực hành: - Lập kế hoạch: Xây dựng khung kế hoạch cho sự kiện của mình.	2		6		10		- Sử dụng giáo trình "Tổ chức sự kiện - Những vấn đề cơ bản" của Nguyễn Văn Hồng. - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
3	Lý thuyết: - Kỹ năng quản lý và điều phối các hoạt động trong sự kiện. - Kỹ thuật giám sát và kiểm soát sự kiện Thực hành: - Phân công nhiệm vụ và lập lịch trình chi tiết cho sự kiện.	4		2		10		- Sử dụng giáo trình "Quản lý sự kiện - Từ lý thuyết đến thực tiễn". - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
4	Lý thuyết: - Kỹ năng truyền thông và tiếp thị sự kiện. - Các công cụ truyền thông số và mạng xã hội. Thực hành: - Thiết kế bài viết quảng bá sự kiện và kế hoạch truyền thông.	4		2		10		- Sử dụng giáo trình "Tổ chức sự kiện - Những vấn đề cơ bản" - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
5	Lý thuyết:	2		6		10		- Sử dụng giáo trình "Quản lý sự	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giờ dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	H T	T H	TL				
	- Đánh giá rủi ro và biện pháp dự phòng. - Phương pháp xử lý tình huống khẩn cấp trong sự kiện Thực hành: - Thảo luận nhóm: Lập kế hoạch dự phòng và diễn tập xử lý tình huống khẩn cấp.							- kiện - Từ lý thuyết đến thực tiễn" - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
6	Lý thuyết: - Quản lý tài chính và phân bổ ngân sách cho sự kiện. - Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp Thực hành: - Lập ngân sách chi tiết và thảo luận về đàm phán hợp đồng.	4		2		10		- Sử dụng giáo trình "Tổ chức sự kiện - Những vấn đề cơ bản" - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
7	Lý thuyết: - Kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp trong tổ chức sự kiện. - Vai trò của từng thành viên trong nhóm tổ chức sự kiện Thực hành: - Thảo luận nhóm: Phân chia nhiệm vụ và lập kế hoạch chi tiết cho từng thành viên.	4		2		10		- Sử dụng "Quản lý sự kiện - Từ lý thuyết đến thực tiễn" - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV, 50% tự làm việc với Nhóm	
8	Lý thuyết: - Tư duy sáng tạo và phản biện trong tổ chức sự kiện. - Phương pháp khuyến khích sáng tạo trong các	4		2		10		- Sử dụng giáo trình "Tổ chức sự kiện - Những vấn đề cơ bản" - Các nhóm sử dụng 50% giờ thực hành tại lớp có hướng dẫn của GV,	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	TL				
	hoạt động sự kiện Thực hành: - Thực hành: Động não (brainstorm) ý tưởng sáng tạo cho sự kiện.							50% tự làm việc với Nhóm	
9	Lý thuyết: - Tóm tắt và ôn tập các kiến thức đã học. - Chuẩn bị cho buổi thuyết trình và đánh giá sự kiện. Thực hành: - Thuyết trình dự án tổ chức sự kiện trước lớp, nhận phản hồi và đánh giá.	3		4		10		- Các nhóm trình bày Dự án của Nhóm mình	
	Tổng	30	0	30	0	90			

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Tham dự lớp (10%)	Thảo luận, phát biểu (10%)	Thuyết trình nhóm (10%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thuyết trình cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ

CELO 3	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 5			x	x	x	- Bài tập thực hành trong mỗi bài - Bài thuyết trình nhóm về các nội dung quan trọng trong mỗi bài	- Hàng tuần, - Cuối kỳ

Bảng 2 Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Dự lớp	10%	Hàng tuần
2	Thảo luận	10%	Hàng tuần
3	Thuyết trình	10%	1-2 lần/hk
4	Thi giữa học kỳ	20%	Tuần 5
5	Thuyết trình cuối học kỳ	50%	Cuối kỳ
	Tổng	100%	

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

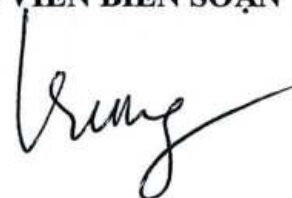
- Không áp dụng ma trận câu hỏi, triển khai đánh giá chính trên nội dung và trình bày các Dự án Nhóm.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Minh Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Quản trị dự án Truyền thông đa phương tiện
- Tên Tiếng anh học phần: Multimedia Communication Project Management
- Mã học phần: 06CQ1237
- Số tín chỉ: 03
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ ba
- Môn học tiên quyết: Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒					
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐	

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TONG SO TIET LEN LOP	45	tiết	TONG SO TIET TU HOC CUA SINH VIEN	90	tiết
Lý thuyết (LT):	15	tiết	Đọc tài liệu ở nhà (TH):	30	tiết
Thực hành (TH):	20	tiết	Làm bài tập ở nhà (BT):	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình (TL):	5	tiết	Làm việc nhóm (N):	30	tiết
Hoạt động khác (KH):	5	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng quản trị dự án chuyên sâu trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Nội dung học tập bao gồm:

- Giới thiệu các khái niệm, quy trình và tiêu chuẩn quản trị dự án (PMBOK, Agile,...).
- Lập kế hoạch, phân tích rủi ro, quản lý tiến độ, ngân sách, chất lượng và nhân sự.

- Ứng dụng các phần mềm và công cụ quản lý dự án hiện đại (MS Project, Trello, Asana,...).
- Phân tích case study từ thực tiễn ngành truyền thông và thực hành qua dự án nhóm.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

Tài liệu/giáo trình chính:

- PMBOK Guide (Phiên bản mới nhất)
- Nguyễn Văn B (2021), *Quản trị dự án trong ngành truyền thông*, NXB Khoa học & Kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

- Kerzner H. (2017), *Project Management: A Systems Approach to Planning, Scheduling, and Controlling*, Wiley.
- Taylor J. (2020), *Agile Project Management in Digital Media*, NXB Trẻ.

Trang web/CDs tham khảo:

- www.pmi.org
- www.microsoft.com/project
- www.trello.com

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu, nắm vững và mô tả được các khái niệm và quy trình quản trị dự án truyền thông số	PLO 1 PLO 2 PLO 3 PLO 4	4.0
	Nắm vững, giải thích, vận dụng, phân biệt các phương pháp lập kế hoạch, giám sát và kiểm soát dự án		
	Sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm quản lý dự án trong thực tế	PLO 5 PLO 6	4.0
	Có kỹ năng đánh giá mức độ phù hợp của các công cụ và phần mềm quản lý dự án.	PLO 7	5.0
G ₂	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong dự án	PLO 8 PLO 9	4.0
G ₃	Trung thực trong kiểm tra, quản lý dự án. Tích cực học tập, nghiên cứu trọn đời.	PLO 10	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Quản trị dự án Truyền thông đa phương tiện với CĐR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Truyền thông

đa phương tiện.

Học phần	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành phân nhiệm cho học phần Quản trị dự án Truyền thông đa phương tiện									
	PLO1	PLO 2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	U4	U3	U3	U3

- **Bảng 2.** Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản trị dự án Truyền thông đa phương tiện đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu các khái niệm cơ bản, quy trình và phương pháp quản trị dự án truyền thông đa phương tiện. Nắm vững các nguyên tắc lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và kiểm soát dự án truyền thông. Áp dụng các phương pháp quản trị dự án vào thực tiễn, sử dụng các công cụ hỗ trợ trong quy trình sản xuất nội dung truyền thông. Giải thích mối quan hệ giữa chiến lược truyền thông, quản lý ngân sách, tiến độ và đội nhóm thực hiện. Vận dụng kỹ năng quản lý để xây dựng kế hoạch dự án khả thi, điều phối hiệu quả các nguồn lực Phân biệt các mô hình quản trị dự án khác nhau, đánh giá ưu và nhược điểm của từng mô hình khi áp dụng trong truyền thông. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của một dự án truyền thông, bao gồm thị trường, công nghệ và hành vi khách hàng. Đánh giá hiệu suất của dự án truyền thông dựa trên các tiêu chí chất lượng, sáng tạo và hiệu quả truyền thông.	4.0 5.0	PLO 1 PLO 2 PLO 3 PLO 4 PLO 5 PLO 6 PLO 7
G2.1	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc, giao tiếp và lãnh đạo nhóm nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Thành thạo việc sử dụng các phần mềm quản lý dự án như Trello, Asana, Microsoft Project để tối ưu hóa quá trình quản trị.	4.0	PLO 8 PLO 9
G3.1	Trung thực trong việc quản lý thông tin, báo cáo tiến độ, tài chính dự án và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của sản phẩm truyền thông.	3.0	PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Hoạt động tự học			Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học/ Đánh giá
		LT	TH	TL	KH	TH	BT	N		
1	Giới thiệu môn học & Tổng quan về quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	2	0	0	0	3	3	0	G 1 G2 G3	Bài giảng, thảo luận nhóm, giới thiệu cấu trúc và mục tiêu môn học
2	Các lý thuyết quản trị dự án căn bản	2	1	1	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Bài giảng về PMBOK, so sánh các phương pháp truyền thống và Agile Bài tập cá nhân: So sánh lý thuyết
3	Lập kế hoạch dự án: Xác định mục tiêu, phạm vi và các bên liên quan	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Phân tích case study, thảo luận nhóm, làm bài tập xác định mục tiêu dự án. Nộp bài: Kế hoạch dự án sơ bộ
4	Phân tích và quản lý rủi ro trong dự án	1	1	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Workshop nhóm: Xác định, đánh giá rủi ro và lập kế hoạch quản lý rủi ro Báo cáo nhóm về quản lý rủi ro
5	Quản lý tiến độ và ngân sách dự án	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành trên phần mềm quản lý dự án, hướng dẫn sử dụng Gantt Chart, lập ngân sách Bài tập thực hành: Lập lịch & kiểm soát ngân sách
6	Quản lý chất lượng và nhân sự trong dự án	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Bài giảng, phân tích case study, role-play kỹ năng giao tiếp và lãnh đạo. Báo cáo nhóm: Kế hoạch quản lý chất lượng & nhân sự
7	Quản lý chất lượng dự án	2	1	1	1	3	3	3	G 1 G2 G3	Ứng dụng quản trị dự án trong ngành truyền thông đa phương tiện Bài viết phản ánh về case study
8	Phương pháp Agile trong quản trị dự án truyền thông	2	1	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Workshop: Thực hành phương pháp Scrum & Kanban qua trò chơi mô phỏng dự án. Báo cáo kết quả mô phỏng Agile
9	Sử dụng công cụ và phần mềm quản lý dự án (MS Project, Trello, Asana)	1	4	0	1	3	3	3	G 1 G2 G3	Lab thực hành: Hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý dự án Bài tập thực hành trên phần mềm

Tuần/ Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Hoạt động tự học			Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học/ Đánh giá
		LT	TH	TL	KN	TH	BT	N		
10	Giám sát, kiểm soát và đánh giá tiến độ dự án	1	4	1	2	3	3	3	G 1 G2 G3	Bài giảng, thảo luận tình huống, phân tích dữ liệu dự án Nộp báo cáo tiến độ dự án
11	Đánh giá hiệu quả và tổng kết dự án, hướng dẫn kiểm tra cuối kỳ	1	2	2	1	0	0	3	G 1 G2 G3	Thực hành nhóm: Hoàn thiện báo cáo dự án, trình bày kết quả dự án, thi viết cuối kỳ Báo cáo dự án cuối cùng, thuyết trình nhóm, đánh giá giảng viên
Tổng		15	20	5	5	90				

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Thông tin trình bày rõ ràng, tự tin.	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (báo cáo dự án trung gian)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết <u>Kỹ năng</u> : <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Trình bày, ứng dụng phần mềm và phân tích dữ liệu dự án Trung thực, cẩn thận, hạn chế các lỗi.	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Bài thi viết và thuyết trình dự án	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề bám theo các đơn vị bài học và nội dung ôn tập <u>Kỹ năng</u> : sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, khả năng phân tích và đề xuất giải pháp	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Mục đánh giá A2.

Hạng mục	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Trình bày	Hình thức báo cáo, bố cục rõ ràng, súc tích	Cách trình bày logic, dễ hiểu, thẩm mỹ tốt	20%
Ứng dụng phần mềm	Sử dụng công cụ quản lý dự án (MS Project, Trello, Asana, v.v.)	Khả năng sử dụng phần mềm hiệu quả, trình bày dữ liệu rõ ràng	30%
Phân tích dữ liệu dự án	Đánh giá, phân tích tiến độ và rủi ro của dự án	Mức độ chính xác, sâu sắc và thực tế trong phân tích	30%
Kết luận và đề xuất	Đưa ra nhận xét và phương án điều chỉnh dự án hợp lý	Đề xuất phù hợp, có tính khả thi cao	20

Mục đánh giá A3. Bài kiểm tra

I. Bài thi viết (50%)

Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
1. Hiểu biết về quản trị dự án truyền thông	Trình bày khái niệm, nguyên tắc, quy trình quản lý dự án truyền thông.	2.0	20%
2. Ứng dụng mô hình & phương pháp quản lý dự án	Phân tích và áp dụng mô hình quản lý dự án phù hợp với bối cảnh.	2.0	20%
3. Phân tích & đánh giá rủi ro dự án	Nhận diện rủi ro tiềm ẩn, phân tích tác động và đề xuất giải pháp.	2.0	20%
4. Lập kế hoạch dự án	Xây dựng kế hoạch chi tiết về mục tiêu, nguồn lực, ngân sách và thời gian.	2.0	20%
5. Tính logic & chất lượng trình bày	Bố cục bài viết rõ ràng, logic, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả.	2.0	20%
Tổng cộng	Đánh giá toàn diện năng lực lập kế hoạch và phân tích dự án	10.0	100%

II. Thuyết trình dự án (50%)

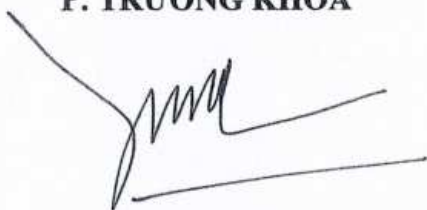
Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
1. Nội dung dự án	Trình bày đầy đủ các yếu tố quan trọng của dự án (mục tiêu, chiến lược, kế hoạch thực hiện).	2.0	20%
2. Khả năng phân tích & lập luận	Lý giải các quyết định chiến lược, phân tích điểm mạnh/yếu của dự án.	2.0	20%
3. Tính sáng tạo & thực tiễn	Đề xuất chiến lược truyền thông sáng tạo, có tính ứng dụng cao.	2.0	20%
4. Kỹ năng trình bày & tương tác	Cách truyền đạt rõ ràng, mạch lạc, tự tin; khả năng trả lời câu hỏi thuyết phục.	2.0	20%
5. Thiết kế slide & hỗ trợ trực quan	Bố cục slide hợp lý, trực quan, hỗ trợ tốt cho phần trình bày.	2.0	20%

Tiêu chí	Mô tả đánh giá	Thang điểm (10 điểm)	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng	Đánh giá toàn diện kỹ năng thuyết trình & phát triển dự án	10.0	100%

III. Tổng hợp điểm cuối kỳ

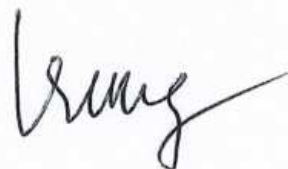
Phần thi	Tỷ lệ (%)	Thang điểm (10 điểm)
Bài thi viết	50%	5.0
Thuyết trình dự án	50%	5.0
Tổng cộng	100%	10.0

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Minh Trung

NG
QC
IGHỆ
ÔNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRUYỀN THÔNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông
- Mã học phần: 06CQ1217
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết			

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông từ khâu lên ý tưởng, lập kế hoạch, sản xuất nội dung đến phát hành và đánh giá hiệu quả. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các loại hình sản phẩm truyền thông như báo chí, phát thanh, truyền hình, nội dung số, video marketing... và cách áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất.

Học phần cũng giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của từng bộ phận trong quy trình sản xuất và cách phối hợp hiệu quả để tạo ra sản phẩm truyền thông chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: tập bài giảng của giảng viên
- Tài liệu tham khảo/bổ sung:.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TBNL
G ₁	Hiểu được các khái niệm, nguyên tắc và các giai đoạn trong quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông.	PLO1, PLO3	4
G ₂	Phân tích và thực hành lập kế hoạch, triển khai quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông.	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Vận dụng kỹ năng sản xuất sản phẩm truyền thông và đánh giá hiệu quả sản phẩm.	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông

Học phần Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện liên quan cho học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 5	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày các khái niệm cơ bản về sản phẩm truyền thông và quy trình sản xuất.	4.0	PLO 1
G1.2	Phân biệt các loại hình sản phẩm truyền thông và đặc điểm sản xuất của từng loại	4.0	PLO 6
G2.1	Áp dụng các phương pháp lập kế hoạch sản xuất sản phẩm truyền thông..	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Đánh giá vai trò của các công đoạn như biên tập, thiết kế, sản xuất và hậu kỳ trong quy trình sản xuất.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Thực hành sản xuất một sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh theo quy trình chuẩn.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Đánh giá và cải tiến sản phẩm truyền thông dựa trên phản hồi và tiêu chí chất lượng.	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Đuổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về sản xuất sản phẩm truyền thông		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và vai trò của sản phẩm truyền thông								
	Các loại hình sản phẩm truyền thông								
	Tổng quan về quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông								
	Chương 2: Lập kế hoạch sản xuất sản phẩm truyền thông						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Xác định mục tiêu và đối tượng								
	Xây dựng ý tưởng và kịch bản								
	Phân bổ nguồn lực và ngân sách								
	Chương 3 Triển khai sản xuất sản phẩm truyền thông						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Quay phim, chụp ảnh, thu âm								
	Thiết kế đồ họa, dựng phim, biên tập nội dung								
	Kết hợp công nghệ trong sản xuất nội dung số								
	Chương 4: Hậu kỳ và hoàn thiện sản phẩm						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tư học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chỉnh sửa, biên tập và tối ưu hóa sản phẩm								
	Đánh giá chất lượng sản phẩm truyền thông								
	Chương 5: Phát hành và phân phối sản phẩm truyền thông						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Lựa chọn kênh truyền thông phù hợp								
	Chiến lược phân phối và đo lường hiệu quả								
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

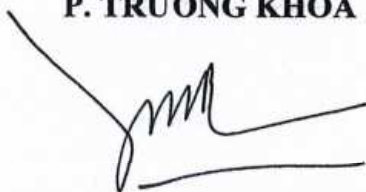
Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

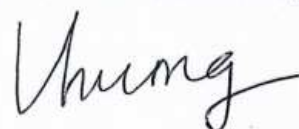
STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Sản xuất một sản phẩm truyền thông theo nhóm, báo cáo và thuyết trình sản phẩm	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Liên Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Sản xuất chương trình phát thanh
- Mã học phần: 06CQ1224
- Số tín chỉ: 2
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
Lý thuyết:	30	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	40	tiết
Thực hành:	30	tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần sản xuất chương trình phát thanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về loại hình báo phát thanh, như lịch sử ra đời, sự phát triển của báo phát thanh trên thế giới và Việt Nam, những đặc trưng của báo phát thanh. Nắm bắt kiến thức và thực hành viết cho báo phát thanh, cách xây dựng một chương trình phát thanh.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: tập bài giảng của giảng viên
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: PGS.TS. Dương Xuân Sơn (2014), *Các loại hình báo chí truyền thông*, NXB. Thông tin và truyền thông.
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học những kiến thức chung về cách thức sản xuất một chương trình phát thanh, để sau khi ra trường người học có thể tác nghiệp được trong lĩnh vực ngành phát thanh – truyền hình	PLO 3 PLO 4	4
G ₂	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học.... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập.	PLO 1, PLO 2	4
G ₃	Trang bị kiến thức về xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hậu kỳ.. và khả năng lập luận, thuyết trình hiệu quả.	PLO 7, PLO 8 PLO 9	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Sản xuất chương trình phát thanh với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Sản xuất chương trình phát thanh.

Học phần Sản xuất chương trình phát thanh	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 8	PLO 9
Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Sản xuất chương trình phát thanh được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Sản xuất chương trình phát thanh đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập	4.0	PLO 1 PLO 6
G1.2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp - luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học trong quá trình học các học phần chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường.	4.0	PLO 2 PLO 5
G2.1	Thực hiện thành thạo việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện và thiết kế ấn phẩm báo chí đa phương tiện	5.0	PLO 4 PLO 8
G2.2	Thực hiện được các quy trình của việc tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	5.0	PLO 3 PLO 9
G3.1	Thực hiện được một cách sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hậu kỳ	4.0	PLO 4 PLO 7
G3.2	Có khả năng viết báo, sản xuất và phát hành các sản phẩm báo chí	4.0	PLO 8 PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tỷ học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L.T	B.T	T.H	T.L				
Buổi 1	Chương 1: Sự hình thành và phát triển của báo phát thanh	4	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	
	Lịch sử phát thanh thế giới							Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	
	Lịch sử phát thanh Việt Nam							Tham gia vào những hoạt động	
	Cơ cấu tổ chức đài phát thanh								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
Buổi 2	Chương 2: Đặc trưng của báo phát thanh	6					G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Chức năng xã hội của báo phát thanh								
	Ba yếu tố cơ bản của báo phát thanh								
	Ưu, nhược điểm của báo phát thanh								
Buổi 3	Chương 3: Yếu tố nội dung, yếu tố hình thức của tác phẩm phát thanh	4					G2.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Yếu tố nội dung của tác phẩm phát thanh								
	Yếu tố hình thức của tác phẩm phát thanh								
Buổi 4	Chương 4: Tin trên sóng phát thanh	6					G2.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Các thể loại phát thanh (thông tin phát thanh)								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Thực hành làm tin phát thanh								
Buổi 5	Chương 5: văn nghệ trên sóng phát thanh	4					G3.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Các thể loại phát thanh (tài liệu, nghệ thuật của báo chí phát thanh)								
	Thực hành làm chương trình ca nhạc phát thanh								
Buổi 6&7	Chương 6: quảng cáo trên sóng phát thanh	6					G3.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Lý thuyết về quảng cáo phát thanh								
	Thực hành làm quảng cáo trên sóng phát thanh								
	Tổng	30							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
01	Kết thúc học phần	Tiểu luận cá nhân	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO TIẾP

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tâm lý học truyền thông và giao tiếp
- Mã học phần: 06CQ1214
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP		tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, hệ thống và các hiện tượng tâm lý, những hiểu biết về quá trình nhận thức, cảm xúc, tình cảm và ý chí, hiểu được bản chất con người.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: Lê Thị Hân – Huỳnh Văn Sơn (2012), Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB Đại học sư phạm
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: Trần Tuấn Lộ (2016), Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB Đại học quốc gia TP HCM
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu các khái niệm, nguyên lý cơ bản của tâm lý học truyền thông và giao tiếp, bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức, hành vi và quá trình truyền đạt thông tin.	PLO1, PLO2	4
G ₂	Phân tích tâm lý của cá nhân và nhóm trong hoạt động truyền thông, nhận diện các yếu tố tác động đến hiệu quả giao tiếp trong bối cảnh truyền thông hiện đại.	PLO6	4
G ₃	Ứng dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn truyền thông, xây dựng chiến lược giao tiếp hiệu quả và xử lý tình huống giao tiếp trong môi trường đa phương tiện.	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Tâm lý học truyền thông và giao tiếp với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Tâm lý học truyền thông và giao tiếp.

Học phần Tâm lý học truyền thông và giao tiếp	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân bổ cho học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tâm lý học truyền thông và giao tiếp được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tâm lý học truyền thông và giao tiếp đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về tâm lý học truyền thông và giao tiếp	4.0	PLO 1
G1.2	Giải thích các nguyên lý tâm lý học ảnh hưởng đến nhận thức, hành vi và quá trình giao tiếp trong truyền thông.	4.0	PLO 6
G2.1	Nhận diện các yếu tố tâm lý tác động đến hiệu quả truyền thông và giao tiếp.	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Phân tích sự ảnh hưởng của tâm lý cá nhân, tâm lý nhóm và hiệu ứng tâm lý trong các hoạt động truyền thông.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Xây dựng chiến lược giao tiếp hiệu quả dựa trên đặc điểm tâm lý của đối tượng truyền thông.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp để xử lý tình huống trong môi trường truyền thông đa phương tiện.	4.0	PLO 8, PLO 10

Ứ C
 TRU
 ĐẠI
 ÔNG
 HIỂN

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	10	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

Tuần (Được)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tư học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
1	Khái niệm tâm lý và tâm lý học								
2	Đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học								
3	Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý								
4	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học								
	Chương 2: hoạt động giao tiếp	5					G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
1	Hoạt động								
2	Giao tiếp								
3	Vai trò của hoạt động và giao tiếp trong sự hình thành và phát triển tâm lý con người								
	Chương 3: sự hình thành và phát triển tâm lý – ý thức	5					G1.2	Yêu cầu tại lớp:	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
1	sự hình thành và phát triển tâm lý								
2	sự hình thành và phát triển ý thức								
	Chương 4: Họa động nhận thức	10					G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	

V.
ING
IQC
NGH
ÔN

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Nhận thức cảm tính								
2	Trí nhớ								
3	Chú ý								
4	Nhận thức lý tính								
	Chương 5: Đời sống tình cảm	5					G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
1	Xúc cảm								
2	Tình cảm								
3	Vai trò của tình cảm trong đời sống con người								
4	Mối quan hệ giữa tình cảm và nhận thức								
	Chương 6: Ý chí, hành động ý chí	10					G3.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
1	Ý chí								
2	Hành động ý chí								
3	Hành động tự động hóa								
	Chương 7: Nhân cách và sự hình thành nhân cách							Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm nhân cách								
	Đặc điểm cơ bản của nhân cách								
	Cấu trúc cơ bản của nhân cách								
	Những thuộc tính điển hình								
	Sự hình thành và phát triển nhân cách								
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCN-MĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phân biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

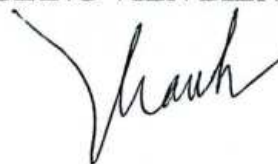
STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Thi tự luận: 90 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Minh Thanh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THIẾT KẾ 3D

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Thiết kế 3D
- Mã học phần: 06CQ1228
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒			
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐
				Bổ trợ ☐	

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	105	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về thiết kế 3D trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về quy trình thiết kế, các nguyên tắc dựng hình 3D, tạo chất liệu, ánh sáng, kết xuất hình ảnh (rendering) và ứng dụng thực tế của thiết kế 3D trong truyền thông, quảng cáo, trò chơi, hoạt hình và thực tế ảo.

Sinh viên sẽ thực hành trên các phần mềm thiết kế 3D chuyên nghiệp như Blender, 3ds Max, Maya hoặc Cinema 4D để tạo ra sản phẩm đồ họa 3D ứng dụng trong truyền thông đa phương tiện.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: [1] Madsen, D. (2020). *3D Modeling & Animation: A Beginner's Guide*. Wiley. [2] Derakhshani, D. (2019). *Introducing Autodesk Maya 2020*. Sybex
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: Birn, J. (2017). *Digital Lighting & Rendering*. New Riders.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu nguyên lý và quy trình thiết kế 3D	PLO1, PLO3	4
G ₂	Phát triển kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế 3D	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Vận dụng thiết kế 3D vào sản phẩm truyền thông đa phương tiện	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Thiết kế 3D với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Thiết kế 3D

Học phần Thiết kế 3D	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học Thiết kế 3D được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Thiết kế 3D đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Ứng dụng các công cụ trong phần mềm 3D để dựng hình, tạo vật liệu, ánh sáng và hiệu ứng..	4.0	PLO 1
G1.2	Tạo ra các mô hình 3D cơ bản và nâng cao, đáp ứng yêu cầu của các sản phẩm truyền thông	4.0	PLO 6
G2.1	Ứng dụng các công cụ trong phần mềm 3D để dựng hình, tạo vật liệu, ánh sáng và hiệu ứng.	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Tạo ra các mô hình 3D cơ bản và nâng cao, đáp ứng yêu cầu của các sản phẩm truyền thông.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Ứng dụng thiết kế 3D vào các sản phẩm truyền thông như quảng cáo, game, hoạt hình, kiến trúc, thực tế ảo.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Đánh giá và tối ưu hóa sản phẩm thiết kế 3D để đảm bảo chất lượng hình ảnh, tính thẩm mỹ và hiệu quả truyền thông..	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L.T	H.T	T.H	T.L				
	Chương 1: Tổng quan về thiết kế 3D		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và ứng dụng của thiết kế 3D trong truyền thông đa phương tiện								
	Các phần mềm thiết kế 3D phổ biến								
	Quy trình thiết kế 3D								
	Chương 2: Dựng hình 3D						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Các kỹ thuật dựng hình cơ bản: Polygon, NURBS, Subdivision								
	Dựng hình nhân vật, đồ vật, kiến trúc								
	Kỹ thuật tạo hình chi tiết và tối ưu hóa mô hình								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 3 Tạo vật liệu và ánh sáng						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Nguyên lý vật liệu, texture mapping								
	Hiệu ứng ánh sáng và bóng đổ								
	Ánh sáng thực tế và ánh sáng nhân tạo trong 3D								
	Chương 4: Kết xuất hình ảnh (Rendering)						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Ty học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Giới thiệu các công cụ render phổ biến: Arnold, V-Ray, Cycles, Eevee								
	Cấu hình thông số render để tối ưu hình ảnh								
	Xử lý hậu kỳ và chỉnh sửa hình ảnh sau render								
	Chương 5 Ứng dụng thiết kế 3D trong truyền thông						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Thiết kế 3D trong quảng cáo và truyền thông								
	Tạo nội dung 3D cho thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR)								
	Xu hướng phát triển của thiết kế 3D trong truyền thông đa phương tiện								
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

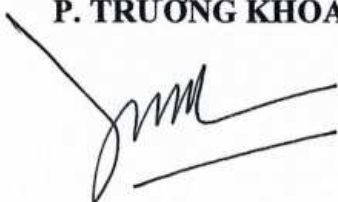
Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

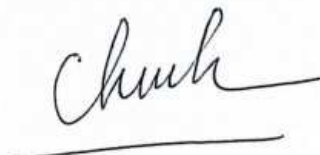
STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Bài thi thực hành: tạo mô hình 3D hoàn chỉnh	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Phan Công Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Thiết kế dự án Truyền thông đa phương tiện
- Tên Tiếng anh: Multimedia Communication Project Design
- Mã học phần: 06CQ1236
- Số tín chỉ: 03
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ ba
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒					
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐	

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	45	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	90	tiết
Lý thuyết (LT):	15	tiết	Đọc tài liệu ở nhà (TH):	30	tiết
Thực hành (TH):	20	tiết	Làm bài tập ở nhà (BT):	30	tiết
Thảo luận / Thuyết trình (TL):	5	tiết	Làm việc nhóm (N):	30	tiết
Hoạt động khác (KH):	5	tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức toàn diện về quy trình thiết kế và triển khai dự án truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ được học cách lập kế hoạch chi tiết từ nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược nội dung, phát triển ý tưởng sáng tạo đến việc lựa chọn các kênh truyền thông phù hợp để tiếp cận đối tượng mục tiêu.

Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ và nền tảng truyền thông số như phần mềm thiết kế đồ họa, chỉnh sửa video, quản lý nội dung trên mạng xã hội và công nghệ quảng cáo trực tuyến. Sinh viên sẽ được thực hành triển khai các chiến dịch truyền thông thực tế nhằm rèn luyện kỹ năng quản lý dự án, đo lường hiệu quả truyền thông và tối ưu hóa chiến lược tiếp cận khách hàng.

Ngoài ra, môn học còn tập trung phát triển các kỹ năng mềm quan trọng như làm việc nhóm hiệu quả, tư duy sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề, cũng như khả năng phân tích và đánh giá hiệu quả chiến lược truyền thông. Sinh viên sẽ tham gia các buổi thảo luận, làm việc nhóm và phản biện để nâng cao năng lực thực hành và tư duy phản biện trong môi trường truyền thông đa phương tiện.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

Tài liệu/giáo trình chính:

- Nguyễn Văn A (2022), "Truyền thông đa phương tiện – Nguyên lý và ứng dụng", NXB Đại học Quốc gia.

Tài liệu tham khảo:

- Kotler P. (2021), "Marketing 4.0", NXB Trẻ.
- Nguyễn Bích Hồng (2020), "Thiết kế nội dung truyền thông số", NXB Thông tin & Truyền thông.

Trang web/CDs tham khảo:

- www.adobe.com
- www.hubspot.com

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	Chỉ số CTĐT	TĐNL
G1	Hiểu và mô tả được quy trình thiết kế và triển khai dự án truyền thông đa phương tiện Áp dụng, vận dụng công cụ thiết kế và nền tảng truyền thông số Phân tích, đánh giá hiệu quả chiến lược truyền thông và điều chỉnh kế hoạch phù hợp	PLO 1	4.0 5.0
		PLO 2	
		PLO 4	
		PLO 6	
		PLO 7	
G2	Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo và làm việc nhóm trong dự án truyền thông	PLO 8 PLO 9	4.0
G3	Tích cực cải tiến, học tập, nghiên cứu suốt đời.	PLO 10	3.0

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Thiết kế dự án Truyền thông đa phương tiện với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.

Học phần	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành phân nhiệm cho học phần Thiết kế dự án Truyền thông đa phương tiện							
	PLO1	PLO 2	PLO4	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	3.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU4	TU4	TU4	TU4	U4	U4	U4	U3

- **Bảng 2.** Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Thiết kế dự án Truyền thông đa phương tiện đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu các khái niệm cơ bản và quy trình thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện. Nắm vững các nguyên tắc, phương pháp và công cụ hỗ trợ trong quá trình triển khai dự án. Áp dụng các lý thuyết truyền thông vào thực tiễn, sử dụng phần mềm thiết kế chuyên dụng để phát triển nội dung. Vận dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm truyền thông có tính ứng dụng và sáng tạo cao.	4.0	PLO 1 PLO 2 PLO 4 PLO 5
	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của một dự án truyền thông, bao gồm đối tượng mục tiêu, nền tảng truyền tải và xu hướng thị trường. Đánh giá chất lượng sản phẩm truyền thông dựa trên các tiêu chí kỹ thuật, mỹ thuật và chiến lược thương hiệu.	5.0	PLO 7
G2.1	Kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và quản lý dự án để tối ưu hóa quy trình thiết kế. Thành thạo các công cụ thiết kế đồ họa, chỉnh sửa âm thanh, video và kỹ thuật số nhằm sản xuất sản phẩm truyền thông chuyên nghiệp.	4.0	PLO 8 PLO 9
G3.1	Đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm trong sáng tạo nội dung, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và truyền tải thông điệp một cách chính xác, minh bạch.	3.0	PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Hoạt động tự học			Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học/ Đánh giá
		L.T	TH	BT	N	TH	BT	N		
1	Giới thiệu môn học, tổng quan về truyền thông đa phương tiện	2	0	0	0	3	3	0	G 1 G2 G3	Bài giảng, thảo luận nhóm Kiểm tra nhanh
2	Các mô hình truyền thông và vai trò của truyền thông số	2	1	1	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Bài giảng, phân tích case study Bài tập cá nhân
3	Công cụ thiết kế nội dung: Adobe Photoshop, Illustrator	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành trên phần mềm Nộp bài thực hành
4	Lập kế hoạch dự án truyền thông	1	1	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Workshop nhóm, trình bày ý tưởng Báo cáo nhóm
5	Sản xuất nội dung truyền thông: hình ảnh, video	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành, hướng dẫn từ giảng viên Bài tập nhóm
6	Chiến lược truyền thông số và quảng bá nội dung	1	2	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Thảo luận nhóm, phân tích chiến dịch thực tế Kiểm tra giữa kỳ
7	Xây dựng và quản lý thương hiệu trên nền tảng số. Phát triển nội dung đa kênh: Facebook, YouTube, TikTok	2	1	1	1	3	3	3	G 1 G2 G3	Thực hành, trình bày dự án cá nhân Đánh giá chéo
8	Quảng cáo và tối ưu hóa nội dung truyền thông	2	1	0	0	3	3	3	G 1 G2 G3	Workshop, chạy thử chiến dịch quảng cáo Đánh giá hiệu quả
9	Đo lường và đánh giá hiệu quả truyền thông	1	4	0	1	3	3	3	G 1 G2 G3	Bài giảng, phân tích dữ liệu thực tế Bài kiểm tra
10	Xây dựng báo cáo dự án truyền thông, triển khai và điều chỉnh kế hoạch	1	4	1	2	3	3	3	G 1 G2 G3	Hướng dẫn thực hành, chạy thử nghiệm chiến dịch Phản biện nhóm
11	Tổng kết và đánh giá dự án truyền thông, kiểm tra cuối kỳ	1	2	2	1	0	0	3	G 1 G2 G3	Báo cáo cuối kỳ, thuyết trình nhóm, thi viết. Đánh giá giảng viên
	Tổng	15	20	5	5	90				

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMTĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bảo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Thực hành nhóm	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo dự án</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết về thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện <u>Kỹ năng</u> : báo cáo tiến độ xây dựng dự án <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Tiến độ, nội dung đạt yêu cầu Trung thực, cẩn thận, hạn chế các lỗi.	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Bài thi viết (<i>kiến thức tổng hợp</i>)	G1 G2 G3 G4	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề bám theo các đơn vị bài học và nội dung ôn tập <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài. Đánh giá theo mức độ hiểu biết và khả năng phân tích.	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Mục đánh giá A2.

Hạng mục	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Hướng dẫn nộp bài
Phản lý thuyết	Kiểm tra kiến thức về lập kế hoạch và triển khai dự án truyền thông	Độ chính xác của nội dung, mức độ phân tích và đánh giá	Nộp bài trên hệ thống đúng hạn
Phản thực hành	Xây dựng và triển khai nội dung truyền thông trên các nền tảng số	Mức độ hoàn thiện dự án, tính ứng dụng thực tế	Nộp báo cáo dự án và tài liệu minh chứng qua Google Drive
Tư duy sáng tạo	Đánh giá sự sáng tạo trong nội dung và chiến lược truyền thông	Ý tưởng mới lạ, tính sáng tạo, khả năng thu hút khán giả	Kèm theo phân tích ý tưởng trong báo cáo
Trình bày	Trình bày dự án bằng slide hoặc video minh họa	Rõ ràng, logic, chuyên nghiệp	Nộp slide/video thuyết trình cùng báo cáo

Mục đánh giá A3. Bài kiểm tra

<i>Hạng mục</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
Kiến thức cơ bản	Hiểu biết về các khái niệm và mô hình truyền thông đa phương tiện	Độ chính xác của nội dung, mức độ đầy đủ của câu trả lời	30%
Phân tích và ứng dụng	Áp dụng lý thuyết vào phân tích tình huống thực tế	Khả năng lập luận, tính logic và tính thực tế của giải pháp	30%
Tư duy sáng tạo	Đề xuất giải pháp truyền thông mới lạ và hiệu quả	Mức độ sáng tạo, khả năng đổi mới trong tiếp cận vấn đề	20%
Trình bày	Cách tổ chức bài viết, mạch lạc, rõ ràng	Bố cục hợp lý, lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt	20%

P. TRƯỞNG KHOA**ThS. Phạm Thành Trung****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****ThS. Đỗ Việt Nga**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THIẾT KẾ NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Thiết kế nội dung truyền thông
- Mã học phần: 06CQ1210
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về thiết kế nội dung truyền thông, từ việc xác định mục tiêu, đối tượng mục tiêu, lựa chọn thông điệp, đến xây dựng nội dung sáng tạo phù hợp với các nền tảng truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh và video để tạo ra nội dung truyền thông hấp dẫn, có tính thuyết phục và hiệu quả.

Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các lý thuyết truyền thông vào thực tế, phục vụ cho việc xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:[1] Berger, A. A. (2018). *Media and Communication Research Methods: An Introduction to Qualitative and Quantitative Approaches*. SAGE Publications.;[2] Kotler, P., & Armstrong, G. (2021). *Principles of Marketing*. Pearson.
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: Handley, A. (2014). *Everybody Writes: Your Go-To Guide to Creating Ridiculously Good Content*. Wiley.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Hiểu được nguyên tắc cơ bản về thiết kế nội dung truyền thông và vai trò của nội dung trong chiến lược truyền thông.	PLO1, PLO3	4
G ₂	Phân tích và áp dụng các phương pháp thiết kế nội dung truyền thông phù hợp với từng nền tảng và đối tượng mục tiêu.	PLO 5 ,PLO 6	4
G ₃	Vận dụng kỹ năng thiết kế nội dung để tạo ra sản phẩm truyền thông chất lượng, có tính ứng dụng cao.	PLO7, PLO9	5

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Thiết kế nội dung truyền thông với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Thiết kế nội dung truyền thông

Học phần Thiết kế nội dung truyền thông	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần						
	PLO 1	PLO 2	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Trình độ năng lực	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học Thiết kế nội dung truyền thông được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Thiết kế nội dung truyền thông đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày các nguyên tắc cơ bản về thiết kế nội dung truyền thông.	4.0	PLO 1
G1.2	Phân tích vai trò và ảnh hưởng của nội dung truyền thông trong các chiến lược truyền thông.	4.0	PLO 6
G2.1	Phân tích đặc điểm của từng nền tảng truyền thông (báo chí, mạng xã hội, truyền hình, podcast, v.v.) và yêu cầu nội dung tương ứng.	5.0	PLO 7, PLO 9
G2.2	Ứng dụng các phương pháp sáng tạo nội dung, tối ưu hóa thông điệp và hình thức thể hiện theo từng nền tảng truyền thông.	5.0	PLO 7, PLO 9
G3.1	Thiết kế và thực hiện các nội dung truyền thông đa phương tiện như bài viết, video, infographic, podcast.	4.0	PLO 8, PLO 10
G3.2	Đánh giá và điều chỉnh nội dung truyền thông nhằm đảm bảo tính hiệu quả và hấp dẫn đối với công chúng mục tiêu	4.0	PLO 8, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tỷ lệ học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về thiết kế nội dung truyền thông		0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Đuổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khái niệm và vai trò của nội dung trong truyền thông đa phương tiện								
	Các loại hình nội dung truyền thông phổ biến								
	Các xu hướng nội dung truyền thông hiện nay								
	Chương 2: Đối tượng và thông điệp truyền thông						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Xác định đối tượng mục tiêu trong truyền thông								
	Phân tích nhu cầu và hành vi tiếp nhận nội dung của công chúng								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Xây dựng thông điệp truyền thông hiệu quả								
	Chương 3: Nguyên tắc thiết kế nội dung truyền thông						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Nguyên tắc viết nội dung hấp dẫn và thuyết phục								
	Sử dụng hình ảnh, âm thanh, video trong truyền thông								
	Kết hợp đa phương tiện trong thiết kế nội dung								
	Chương 4: Thiết kế nội dung cho các nền tảng truyền thông						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động	

140
 TRI
 ĐẠ
 ÔNG
 HIỂN

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Nội dung cho báo chí và trang tin tức								
	Nội dung cho mạng xã hội (Facebook, Instagram, TikTok, YouTube, v.v.)								
	Nội dung video và kỹ thuật kể chuyện bằng hình ảnh (storytelling)								
	Thiết kế infographic, podcast và các định dạng sáng tạo khác								
	Chương 5: Đánh giá và tối ưu hóa nội dung truyền thông						G2.3	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Tiêu chí đánh giá nội dung truyền thông hiệu quả								
	Phân tích dữ liệu và tối ưu hóa nội dung theo phản hồi của công chúng								
	Điều chỉnh chiến lược nội dung theo xu hướng và sự thay đổi của thị trường								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tỷ học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCN-MĐ

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phân biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Trắc nghiệm/tự luận: 60 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Nguyễn Thị Liên Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THIẾT KẾ WEB

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Thiết kế web
- Mã học phần: 06CQ1145
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	<i>tiết</i>	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	90	<i>tiết</i>
<i>Thực hành:</i>	30	<i>tiết</i>	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		<i>tiết</i>
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		<i>tiết</i>	<i>Làm việc nhóm:</i>		<i>tiết</i>
<i>Hoạt động khác:</i>		<i>tiết</i>			

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần “Thiết kế Web” giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản, cung cấp kiến thức nền tảng trong việc thiết kế Website tĩnh với công nghệ HTML, CSS tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động. Đồng thời học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên hiểu được nguyên tắc thiết kế và quản lý một Website tĩnh với cấu trúc đơn giản với đầy đủ những công cụ cơ bản có sẵn hỗ trợ cho việc

thiết kế Web, cung cấp các phương pháp thiết kế Web cơ bản bằng Dreamweaver, biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: Giáo trình lập trình Web với HTML và Javascript/Phạm Thị Nhung
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: Lập trình Web bằng ASP.net với Macromedia dreamweave MX/VN-Guide tổng hợp và biên dịch; Giáo trình lập trình Web với ASP.net/Đỗ Lâm Thiên
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về internet, cách tạo 1 website đơn giản	PLO 1, PLO 3	4
G ₂	Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng trong việc thiết kế website tĩnh với công nghệ HTML, CSS tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình web động.	PLO 2, PLO 6	4
G ₃	Trang bị kiến thức thiết kế và quản lý 1 website tĩnh với cấu trúc đơn giản với đầy đủ những công cụ cơ bản có sẵn hỗ trợ cho việc thiết kế web.	PLO 4, PLO 5	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Thiết kế web với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Thiết kế web.

Học phần Thiết kế web	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 8	PLO 9
Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Thiết kế web được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Thiết kế web đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình thông dụng, kỹ thuật lập trình, phương pháp lập trình, công nghệ lập trình thông dụng, tổ chức dữ liệu và thuật toán. Giải quyết các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin		PLO 2, PLO 4
G1.2	Sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng, lập trình web, hệ điều hành mã nguồn mở. Phát hiện và sửa đổi, giải quyết được các lỗi lập trình hoặc hệ điều hành,	4.0	PLO 2, PLO 6
G2.1	Tổ chức và quản trị các hệ thống website; được cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên tắc hoạt động của hệ thống web, cách thức xây dựng website tĩnh, website theo chuẩn thương mại	5.0	PLO 3, PLO 5
G2.2	Sử dụng các ứng dụng CNTT thành thạo	5.0	PLO 8, PLO 9
G3.1	Xác định, so sánh các công nghệ mới, các xu thế phát triển trong quá trình học tập	4.0	PLO 5, PLO 7
G3.2	Thể hiện tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn	4.0	PLO 9, PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Buổi 1	Chương 1: Giới thiệu mạng internet và web	4	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Giới thiệu về môn học web								
	Lịch sử phát triển								
	Các khái niệm cơ bản								
Buổi 2	Các dịch vụ cơ bản của Internet	4						Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Khai thác tài nguyên trên Internet								
Buổi 3	Chương 2: Tổng quan về thiết kế web	4							

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Xác định mục đích, yêu cầu của website cần thiết kế								
	Mục tiêu yêu cầu cơ bản của website								
	Đối tượng phục vụ								
	Chủ đề của website								
	Thiết kế giao diện website								
	Khảo sát các website								
Buổi 4	Chương 3: HTML cơ bản	4						Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Giới thiệu HTML								
	Các thẻ HTML cơ bản								
Buổi 5	Frame	5							
	Forms và Cascading Style Sheet (CSS)								
	Thiết kế layout								

C
 TRƯỚC
 ĐẠI
 NG
 EN

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Thiết kế trang web theo mẫu								
Buổi 6	Bài tập thiết kế web	4							
	Thiết kế hoàn chỉnh trang web giới thiệu nhóm								
Buổi 7	Chương 4: Form & CSS	4						Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Giới thiệu form								
	Các thành phần nhập liệu thông dụng								
	Sử dụng form								
Buổi 8	Giới thiệu CSS	4							
	Cách sử dụng CSS trong trang web								
Buổi 9	Chương 5: Ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT – HTML DOM	4						Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	DHTML								
	Tổng quan về Javascript								
	Các toán tử trong Javascript								
	Các cấu trúc điều khiển trong Javascript								
	Hàm Javascript								
Buổi 10	Chương 6: Thiết kế web với các công cụ	4						Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	Quản lý sự kiện								
	Các đối tượng của Javascript								
	Giới thiệu các Framework								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Buổi 11	Hosting, tổng kết	4							
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (<i>bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (<i>Báo cáo và thuyết trình sơ bộ</i>)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Thi trắc nghiệm: 45 phút	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Phan Công Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: 06CQ1099
- Số tín chỉ: 04
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ nhất
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TONG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TONG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
<i>Lý thuyết:</i>	60	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>		tiết
<i>Thực hành:</i>	0	tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>	0	tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>	0	tiết			

1. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Học phần Tiếng anh tổng quát sử dụng giáo trình cấp độ sơ cấp và tiền trung cấp (level A2) theo khung CEFR (Common European Framework of Reference for Languages). Giáo trình này gồm 14 bài, mỗi đơn vị bài học bao quát 5 nội dung chính bao gồm: (A) Kỹ năng nghe, (B) Kỹ năng ngữ pháp, (C) Củng cố vốn từ vựng, (D) Kỹ năng nói, (E) Kỹ năng viết.

- Học phần Tiếng anh 1, người học tập trung 14 nội dung chính từ bài 1 đến bài 14, bao gồm các chủ đề sau:
 1. Daily life
 2. House and home
 3. Food and drinks
 4. Clothes
 5. Sports
 6. School and study
 7. Places and Buildings
 8. Technology
 9. Entertainment and Media
 10. The natural world
 11. Health and Fitness
 12. Travel and Holidays
 13. She might be a vet
 14. Can you repeat that, please?
- Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chức năng dùng trong một cuộc hội thoại như hỏi lặp lại, trao đổi các thông tin về sở thích, việc học tập, thể thao, miêu tả hình dáng, tính cách, hỏi đáp và đưa ra ý kiến, nói về hoạt động và nơi tham quan ưa thích.
- Học phần này cung cấp những kiến thức bắt buộc phải nắm được và vận dụng kiến thức trong giao tiếp và hành văn. Môn học trang bị kỹ năng và thói quen để sinh viên chủ động tự đọc thêm tài liệu, tập trung vào kỹ năng giao tiếp và nguồn tài liệu tham khảo để nâng cao hiểu biết tiếng Anh.
- Học phần có chuẩn đầu ra tương đương trình độ tiền trung cấp cấp độ A2 (Bậc 2 – Khung NLNN 6 bậc của BGDĐT).

2. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] David Mc Keegan (2017), *Complete Key for School*, Cambridge University Press.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

[2] Jack C. Richards, David Bohlke (2012), *Four Corners 2B*, Cambridge University Press.

[3] Azar, B.S (2005), *Basic English Grammar*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[4] Jim Lee, Sandy Cho (2010), *TOEIC Academy*, NXB Tổng hợp TP. HCM.

- Trang Web/CDs tham khảo:

<https://www.cambridgeenglish.org/learning-english/>

<https://www.cambridge.org/us/>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Kiến thức về từ vựng, văn phạm, và cấu trúc ở mức độ sơ cấp cơ bản về một số chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, con người, nơi chốn, và hoạt động thường ngày thông dụng. Kiến thức về các ngôn ngữ chức năng để đạt mục đích giao tiếp chào hỏi; hỏi thông tin cá nhân, thời gian, ngoại hình, quần áo thông tin về bạn bè, đồ vật yêu thích, và các khả năng, sở thích của bản thân. Kiến thức về các yếu tố của phát âm liên quan âm nhấn, các đuôi số nhiều, các âm yếu, cụm từ giao tiếp thường ngày, các chủ đề hội thoại quen thuộc về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Kiến thức về thì hiện tại đơn; hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc ngữ pháp <i>too, enough, have to</i>, danh từ đếm được và không đếm được cách đặt câu hỏi về tính cách, hình dáng; hỏi ý kiến, hỏi số lượng để miêu tả; trình bày và thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời.	PLO 1 PLO 2	3.0
G ₂	Khả năng sử dụng từ vựng thuộc chủ đề cá nhân và sở thích; sử dụng văn phạm theo đúng cấu trúc cụ thể để thực hiện việc giao tiếp ở mức độ cơ bản với các chủ đề quen thuộc. Khả năng đọc và nghe ý lấy ý chính, thông	PLO 4 PLO 5 PLO 6	2.0

	tin cụ thể, thông tin chi tiết trong các chủ đề về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Khả năng trả lời phỏng vấn giới thiệu bản thân, sở thích, miêu tả tính cách các thành viên gia đình, các hoạt động thường ngày và hoạt động giải trí, tham gia đóng vai trong giao tiếp. Khả năng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, dùng dấu nhấn trong từ và câu một cách phù hợp. Khả năng viết miêu tả sở thích, bản thân, viết email cho người bạn, và miêu tả ngôi nhà.		
G3	Kỹ năng hoàn thành việc nối từ vựng với hình ảnh, điền từ vào đoạn văn theo đúng văn cảnh; Kỹ năng nhận diện chủ điểm văn phạm từ một đoạn văn hoặc đoạn hội thoại, hoàn thành các câu với chủ điểm văn phạm phù hợp, đặt câu. Sinh viên giao tiếp tốt với chủ đề đơn giản hằng ngày, mặc dù chưa thể nói dài hơn qua việc sử dụng những mẫu câu được giới thiệu trong từng chủ đề. Kỹ năng tìm kiếm, phân tích văn bản bài đọc để hoàn thành các bài tập chọn tiêu đề, chọn thông tin chi tiết, chọn hình ảnh phù hợp. Kỹ năng nghe chọn hình ảnh được đề cập, chọn đáp án true/ false, chọn câu hỏi trắc nghiệm nhiều đáp án, điền từ còn thiếu. Kỹ năng phân tích lên ý tưởng, lập danh sách câu hỏi; viết câu, đoạn văn ngắn; kiểm tra lại bài viết theo cặp. Kỹ năng thảo luận, trình bày ý tưởng, đưa ra nhận xét theo cặp và nhóm.	PLO7 PLO8	2.0
G4	Thái độ tự tin, có tinh thần vận dụng các kiến thức đã học trong giao tiếp khi sử dụng tiếng Anh	PLO9	2.0

4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC

5.1. Yêu cầu đối với người dạy

Nội dung, lịch trình giảng dạy, và các quy định của học phần và của giảng viên phải được công khai cho sinh viên vào buổi học đầu tiên. Mọi thắc mắc hay đề xuất của sinh viên về quy định của học phần phải được giải đáp thỏa đáng. Sau khi đã công bố nội dung và thống nhất các quy định của học phần, giảng viên phải áp dụng nhất quán, không được thay đổi trong suốt quá trình giảng dạy học phần. Trong trường hợp bất khả kháng phải thay đổi lịch trình giảng dạy, giảng viên phải thông báo trước cho sinh viên một khoảng thời gian hợp lý và sắp xếp lịch dạy bù đầy đủ.

Các thay đổi về học vụ, nội dung, các yêu cầu của học phần (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến quyền lợi của sinh viên) đều phải báo cáo và được ban chủ nhiệm Khoa thông qua trước khi bắt đầu giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy : Triển khai phương pháp lấy người học làm trung tâm, tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, phát huy tối đa sự sáng tạo chủ động và khả năng tư duy của người học. Phối kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại, với kiến thức cập nhật thú vị để thu hút và tạo động lực cho người học. Sử dụng các phương pháp hoạt động nhóm, đôi, hoán đổi vai trò nhằm giảm thiểu hạn chế của lớp lớn, mà vẫn mang lại hiệu quả cho người học

5.2. Yêu cầu đối với người học

Tham gia tích cực, nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động trên lớp cũng như các bài tập trước và sau giờ lên lớp. Tăng cường khả năng sử dụng các phương tiện học tập hiện đại như internet, truyền hình kỹ thuật số, báo, đài để tiếp thu nguồn kiến thức đa dạng, nhiều chiều, tạo tính chủ động và tư duy rõ ràng. Phát triển năng lực làm việc đôi, làm việc nhóm, tư vấn chuyên gia, giáo viên và bạn bè.

Các thắc mắc và đề xuất của sinh viên về các yêu cầu của môn học phải được đưa ra vào buổi học đầu tiên. Sau khi các yêu cầu của môn học và của giảng viên đã được công khai và đã được thống nhất, sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của môn học và của giảng viên đề ra trong suốt quá trình học tập.

Nếu sinh viên nào vì lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt (ví dụ bị bệnh) mà không thể tuân thủ các yêu cầu của môn học và của giảng viên đề ra thì phải có đơn xin phép và minh chứng để giảng viên xem xét các hình thức hỗ trợ.

Sinh viên phải chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Sinh viên phải đi học đúng giờ. Sinh viên đi trễ 30 phút sau khi bài giảng đã bắt đầu sẽ không được vào lớp.

Sinh viên vắng học không có lý do từ 80% trở lên đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Tiếng anh 1 với CĐR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo các ngành ngoài Ngôn Ngữ Anh cho học phần Tiếng anh 1 .

Học phần Tiếng Anh 1	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành phân nhiệm cho học phần Tiếng Anh 1								
	PLO1	PLO 2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU3	TU3	TU3	TU3	TU3	TU2	TU2	TU2	TU2

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiếng anh 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tiếng anh 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

KI-Skill-CĐR	Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu từ vựng ở các chủ đề giao tiếp cơ bản về số đếm, thời gian, giá cả, con người, nơi chốn, đồ vật, sinh hoạt hằng ngày, sở thích, ở trình độ sơ cấp cơ bản; hiểu các chủ điểm văn phạm bao gồm thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc so sánh bằng, kém hơn, so sánh hơn, cấu trúc <i>too, enough</i> ...	3.0	PLO 1 PLO 2
G1.2	Phân biệt các thể loại nội dung bài đọc khác nhau gồm khảo sát, trang blog, trang web, brochure, bài báo.	3.0	PLO 4
G1.3	Phân biệt các thể loại bài nghe khác nhau như hỏi thông tin các nhân, điền mẫu đơn, bài hội thoại, bài độc thoại, cuộc gọi điện thoại.	3.0	PLO 5

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.4	Phân biệt được bài viết miêu tả sở thích, miêu tả bản thân, email, miêu tả về ngôi nhà mơ ước; phân biệt được các giai đoạn gồm lên ý tưởng, khảo sát, lấy ý tưởng, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, viết bài, thảo luận về bài viết với người cùng học, chỉnh sửa bài viết.	2.0	PLO 6
G1.5	Nhận diện các loại câu hỏi, thì sử dụng trong giao tiếp như cách đặt câu hỏi với yes/ no questions, wh-questions để hỏi về tên, tuổi, thông tin cá nhân và cách trả lời; các câu hỏi về đồ vật, sở hữu và cách trả lời; các câu hỏi về phương tiện đi lại, thời gian, hoạt động thường ngày, giá cả, trang web, công việc, kỹ năng của bản thân và cách trả lời; cách phát âm rút gọn của động từ to be và can't, dấu nhấn, và hình thức số nhiều.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G2.1	Vận dụng từ vựng thuộc các chủ đề thường ngày để đọc hiểu các bài đọc ngắn, nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn trong văn cảnh thường nhật, viết các câu và đoạn văn ngắn. Vận dụng cấu trúc văn phạm phù hợp để viết câu, đoạn văn ngắn và giao tiếp cơ bản.	3.0	PLO 1 PLO 2
G2.2	Phát triển các kỹ năng dự đoán nội dung bài đọc, đọc lấy ý chính, thông tin chi tiết, thông tin cụ thể.	3.0	PLO 4
G2.3	Phát triển kỹ năng dự đoán thông tin bài nghe, nghe lấy ý chính và thông tin chi tiết.	3.0	PLO 5
G2.4	Vận dụng viết câu hoặc đoạn văn ngắn, phân tích, tổng hợp, lên ý tưởng, bố cục để lấy ý kiến cho bài viết; viết và sửa lỗi với bạn học theo cặp, nhóm.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 6
G2.5	Vận dụng kỹ năng nói để giới thiệu bản thân và một ai đó, đề cập đến số, giá cả, thời gian; lên ý tưởng, chuẩn bị đặt câu hỏi và trả lời với cấu trúc hiện tại đơn; tự mở đầu hoặc đối đáp với những câu khẳng định hiện tại đơn về chủ đề bạn bè, nơi chốn, đồ vật, hoạt động thường ngày, công việc và kỹ năng cá nhân. Vận dụng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, sử dụng dấu nhấn trong từ và câu phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G3.1	Vận dụng từ vựng, cụm từ để nối nghĩa, điền từ; trả lời	3.0	PLO 1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
	câu hỏi trắc nghiệm, điền từ. Vận dụng cấu trúc văn phạm thì hiện tại đơn, sở hữu, đặt câu hỏi, câu đơn, và câu ghép để hoàn thành các bài tập hoàn thành các bài trắc nghiệm, đúng sai, hỏi đáp, lựa chọn nhiều đáp án...	2.0	PLO 2 PLO 8
G3.2	Vận dụng kỹ năng đọc để hoàn thành dạng bài chọn tiêu đề phù hợp, chọn hình ảnh hoặc thông tin liên hệ được đề cập trong bài, điền từ trong bài đọc, trả lời câu hỏi.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 8
G3.3	Vận dụng kỹ năng nghe để hiểu nội dung và trả lời các loại câu hỏi các bài luyện tập nghe điền từ, tô tròn, chọn hình ảnh, chọn nhiều đáp án, tìm từ sai.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 5 PLO 8
G3.4	Phát triển kỹ năng viết các câu ngắn, đoạn văn ngắn được thực hiện qua các bước gồm việc thu thập thông tin, khảo sát, viết bài, tự đánh giá, kiểm tra lại bài theo cặp và nhóm với các chủ đề về sở thích cá nhân, miêu tả bản thân, người thân trong gia đình, bạn bè, một ngôi nhà mơ ước.	2.0	PLO 6 PLO 8
G3.5	Phát triển kỹ năng giao tiếp qua việc đóng vai, tương tác bằng tiếng Anh theo cặp và theo nhóm, trình bày trước tập thể. Sử dụng các kỹ thuật phát âm để phát âm nguyên âm, phụ âm và các dấu nhấn phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7 PLO 8
G4.1	Có thái độ khách quan, trung thực, tinh thần hợp tác. Có ý thức chủ động tìm kiếm thông tin, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.	2.0	PLO 9

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L	T	H	N				
1	Unit 1: What's your name? Listening: numbers Grammar: present simple – things always	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập thực hành theo nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	true or happen regularly Vocabulary: family tree Speaking: personal information/ daily life/people Writing: an email (35 words) about yourself						G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
2	Unit 2: Are you coming to the party? Listening: identify numbers, words or time Grammar: present continuous – things happening now – have got Vocabulary: parts of a house, furniture Reading: main ideas Speaking: A house party Writing: Describe your house/ favorite room (2 minutes or 100 words)	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
3	Unit 3: I'm hungry. Reading: multiple-choice questions Vocabulary: food, food phrases Grammar: countable & uncountable How much/many; a few, a little, a lot	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Listening: fill missing words, numbers, dates, times, names or prices Writing: a letter or email to invite your friends to have dinner at your home Speaking: make a conversation with a partner like an interview to get information about something								
4	Unit 4: You look great! Listening: hear a conversation then matching Grammar: present continuous & present simple Vocabulary: Adjectives, shops Grammar: too and enough Reading: multiplied choices Speaking: Clothes and Fashion Writing: a message about a shopping trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G 1 G2 G3 G4	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
5	Unit 5: She's the winner. Reading: for details Grammar: comparatives &	4	0	0	0	8			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TN	TL				
	superlatives, prepositions of time Vocabulary: do/play/go – Nationalities Listening: for prices, time Speaking: talk about hobbies Writing: a note of notice						G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm	
6	Unit 6: I have to do my homework Grammar: have to, object pronouns Vocabulary: school subjects Reading: Multiple choice Writing: make a poster of a event Speaking: Talk about your trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
7	Unit 7: Let's go to the mountain. Reading Grammar: Simple past, imperative Vocabulary: buildings, directions Listening: words, number	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm SV làm bài kiểm tra kĩ năng văn phạm, từ vựng, nghe, đọc trong thời gian 45 phút.	

GIAO

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L.T	H.T	T.H	T.L				
	Speaking: holidays Writing: a message about a holiday Mini test 1								
8	Unit 8: You have one new message. Listening: Listen to detail Vocabulary: technology verbs Grammar: Past continuous, can/can't, could, couldn't Reading Writing: a email about your last trip Speaking: talk about a popular place	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
9	Unit 9: Let's have some fun. Reading: Film fan Grammar: verbs with – ing or to infinitive Vocabulary: suggesing, accepting, refusing Listening: Great prizes Grammar: Will Writing: an advertisement about entertainment/ media Speaking: converstion about hanging out.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TN	TL				
10	Unit 10: What a sunny day! Listening: words, numbers Vocabulary: weather Grammar: Going to Reading: Vocabulary: places Writing: an email about your terrible trip Speaking: talk about your future plans	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
11	Unit 11: I've got a cold Reading: a new timetable at school Grammar: First conditional Vocabulary: parts of body Listening: short conversations Grammar: something, anything, nothing, ect.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
12	Unit 12: Has he been on holiday. Reading: a conversation about a holiday in Greece Grammar: the present perfect; should/ shouldn't	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L.T	GV	SV	HS				
	Vocabulary: travel, holidays						G4.1	GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
13	Unit 12: Has he been on holiday. Listening: a conversation about a Speaking: Means of transport Writing: a short description about your favorite trip Mini test 2	4	0	0	0	12	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm. Write an email and a short paragraph about a topic (30 minutes)	
14	Unit 13: You might be a vet Reading: notices about clubs, exhibitions and courses Grammar: present perfect tense; may/might Vocabulary: hobbies/jobs Listening: conversations about learning to sail Speaking: parkour Writing: notes	4	0	0	0	12	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
15	Unit 14: Can you repeat that, please?	4	0	0	0	20	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G 1 G2	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Reading: a conversation about a language course Grammar: passive voice in present perfect Vocabulary: communication verbs Listening: a conversation about people at a party Speaking: personal details Writing: an email REVISION FOR THE FINAL TEST <i>Introduce yourself (2-3 minutes)</i> DESCRIBE PICTURES SPEAKING TOPICS ✓ Your favorite trip ✓ A popular place/site ✓ Hanging out ✓ Your good and bad habits ✓ Your future plans ✓ How to keep body fit and healthy ✓ A current entertainment event ✓ The weather in your place/ your country						G3	SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV GV hướng dẫn SV chuẩn bị nội dung ôn thi các chủ đề. GV giải đáp các thắc mắc và các câu hỏi của SV về nội dung ôn tập. SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV thi thử demo. GV nhận xét và phản hồi về kết quả, nhắc nhở các lỗi SV hay mắc phải trong quá trình thi demo.	
	Tổng	60	0	0	0	140			

8. MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA BẬC 2 (A2)

8.1 Mô tả tổng quát

Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản. Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh

và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

8.2 Mô tả các kỹ năng

Đặc tả kỹ năng nghe	
Đặc tả tổng quát kỹ năng nghe	- Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng. - Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.
Nghe hội thoại	- Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra tương đối và rõ ràng.
Nghe thông báo, hướng dẫn chỉ dẫn	- Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn. - Có thể hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng.
Đặc tả kỹ năng nói	
Nói độc thoại	- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi. - Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao ngắn và tương đối dài.
Mô tả kinh nghiệm	- Có thể mô tả về gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, công việc hiện tại và công việc gần nhất trước đó. - Có thể mô tả những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập. - Có thể mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân. - Có thể diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.
Trình bày trước người nghe	- Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động. - Có thể trả lời những câu hỏi trực tiếp với điều kiện có thể được hỏi lại và người nghe hỗ trợ giúp diễn đạt cách trả lời.
Nói tương tác	- Có thể giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực

	quá mức.
Nói tương tác hội thoại	- Có thể xử lý các giao tiếp xã hội ngắn nhưng chưa duy trì được hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể sử dụng cách chào hỏi lịch sự, đơn giản thường ngày. - Có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn và trả lời lời mời, đề nghị và xin lỗi. - Có thể nói điều mình thích và không thích. - Có thể tham gia những hội thoại ngắn trong những ngữ cảnh quen thuộc và về những chủ đề quan tâm.
Giao dịch hàng hóa và dịch vụ	- Có thể yêu cầu và cung cấp hàng hóa và dịch vụ hằng ngày như gọi món ăn trong nhà hàng. - Có thể lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng. - Có thể cung cấp và hiểu các thông tin liên quan tới số lượng, con số, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.
Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	- Có thể trả lời và khẳng định quan điểm của mình bằng diễn ngôn tương đối khi trả lời phỏng vấn. - Có thể làm cho người phỏng vấn hiểu được và trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc, đôi khi vẫn cần nhắc lại câu hỏi hoặc tìm cách diễn đạt dễ hiểu hơn.
Phát âm và độ lưu loát	- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại. - Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại.
Độ chuẩn xác và phù hợp và mặt ngôn ngữ xã hội	- Có thể sử dụng một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày. - Có thể giao tiếp phù hợp với vai và hoàn cảnh giao tiếp trong gia đình, lớp học, công việc thông thường.
Mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài thi	- Có thể hoàn thành phần của nhiệm vụ bài thi (trả lời các gợi ý từ mức độ đơn giản đến phức tạp) ở mức tương đối; phần lớn các câu trả lời cần phù hợp, có thể suy đoán ý của người nói hoặc văn bản ở mức tương đối.
Đặc tả kỹ năng đọc	
Đặc tả tổng quát kỹ năng đọc	- Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.
Đọc lấy thông tin và lập luận	- Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

Đọc tìm thông tin	- Có thể tìm được các thông tin cụ thể, có thể suy đoán ở mức không quá phức tạp trong các văn bản thường gặp hằng ngày như quảng cáo, thực đơn, danh mục tham khảo và thời gian biểu. - Có thể định vị thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin mong muốn (ví dụ: sử dụng danh bạ điện thoại để tìm ra số điện thoại một loại hình dịch vụ nào đó).
Đọc văn bản giao dịch	- Có thể hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v...) về các chủ đề quen thuộc. - Có thể hiểu các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản. - Có thể hiểu các quy định, ví dụ quy định về an toàn, khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản. - Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày như điện thoại công cộng.
Đọc xử lý văn bản	- Có thể nhận ra và tái hiện các từ và cụm từ hoặc các câu ngắn hoặc dài tương đối từ một văn bản. - Có thể sao chép các văn bản có độ dài tương đối được trình bày dạng in hoặc viết tay.
Đặc tả kỹ năng viết	
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết sản sinh	- Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản hoặc câu phức nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì.
Viết sáng tạo	- Có thể viết những cụm từ hay những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại. - Có thể viết tiểu sử giả tưởng một cách ngắn gọn.
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết tương tác	- Có thể viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Thư từ giao dịch	- Có thể viết thư cá nhân mô tả chi tiết kinh nghiệm, cảm xúc, sự kiện. - Có thể viết thư từ giao dịch nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh.
Ghi chép, tin nhắn, điền biểu mẫu	- Có thể hiểu được những tin nhắn ngắn. - Có thể viết các tin nhắn ngắn liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Xử lý văn bản	- Có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn trong khả năng và kinh nghiệm giới hạn của bản thân. Có thể chép lại những đoạn văn bản ngắn.

Tiêu chí ngôn ngữ chung	- Có vốn ngôn ngữ cơ bản để xử lý các tình huống hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, mặc dù người viết vẫn phải điều chỉnh nội dung thông điệp và tìm từ. Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, những đoạn ngữ, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu v.v... Có vốn từ hạn chế gồm những cụm từ ngắn được ghi nhớ về những tình huống cấp thiết có thể đoán trước; trong những tình huống không quen thuộc, vẫn thường xảy ra những hiểu nhầm và gián đoạn giao tiếp.
Phạm vi từ vựng	- Có đủ vốn từ để thực hiện các giao dịch thường nhật liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản.
Kiểm soát từ vựng	- Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày.
Độ chính xác về ngữ pháp	- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.
Độ chính xác về chính tả	- Có thể chép các câu ngắn về các chủ đề hằng ngày, ví dụ các câu chỉ đường. Có thể viết chính xác âm tiết của các từ ngắn (không nhất thiết chuẩn mực tuyệt đối) sẵn có trong vốn từ khẩu ngữ của người học.



9. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3 G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị báo và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.1	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề thuyết trình nhóm <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng, tự tin.	10%
	A2.2. Bài kiểm tra tích hợp các kỹ năng dạng trắc nghiệm & tự luận (văn phạm, từ vựng, nghe + đọc + viết)		<u>Kiến thức</u> : từ vựng, văn phạm, ngữ âm, âm nhần và nội dung các bài 1-3 <u>Kỹ năng</u> : từ vựng, ngữ pháp, đọc, nghe, viết <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài Trung thực, cẩn thận, hạn chế các lỗi.	30 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần (vấn đáp)	G1 G2 G3 G4	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề bám theo các đơn vị bài học và nội dung ôn tập <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy, nối từ, câu, sử dụng những đặc điểm trong phát âm tiếng Anh <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Đảm bảo cách sử dụng vốn từ linh hoạt, tránh lặp từ quá nhiều. Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng. Lời nói trôi chảy.	50%

10. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Mục đánh giá A2.

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Phần thi Văn phạm, Từ vựng (Trắc nghiệm)					
Từ vựng	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 0	Số câu: 3	Số câu: 2	Số câu: 0	Số câu: 0
Văn phạm	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 0	Số câu: 3	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 10 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 6 Tỉ lệ: 60%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%
Phần thi Đọc					

Phần 1 Trắc nghiệm. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi.	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
Số câu: 15 Tỉ lệ: 75 %	Số câu: 0	Số câu: 5	Số câu: 5	Số câu: 3	Số câu: 2
Phần 2 Cloze test	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
Số câu: 5 Tỉ lệ: 25 %	Số câu: 0	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1
Tổng số câu: 20 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 7 Tỉ lệ: 35%	Số câu: 6 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 4 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 15%
Phần thi Viết (30 minutes)					
Phần 3 (Viết 1 đoạn văn ngắn và email)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
Email	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	
Đoạn văn ngắn	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1
Tổng số câu: 2 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%
Phần thi Nghe					
Phần 1 (Chọn hình ảnh)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 4 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 0	Số câu: 3	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Phần 2 (Trắc nghiệm)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Phần 3 (Chọn True/ False)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 10 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

Mục đánh giá A3.

Phần thi vấn đáp Các thí sinh dự thi theo cá nhân.					
Phần 1(2,5 điểm)	Giới thiệu bản thân (Thí sinh trả lời các câu hỏi về các thông tin cơ bản tên, tuổi, nơi ở, quê hương, gia đình, công việc..).				
	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR

Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Phần 2 (2,5 điểm)	Phần thi bốc thăm chủ đề (có 5 chủ đề liên quan đến nội dung học phần. Thí sinh dựa vào 5 câu hỏi gợi ý để trình bày một bài nói ngắn về chủ đề đã bốc thăm. Thí sinh có thể được yêu cầu trả lời một đến 2 câu hỏi phụ liên quan đến chủ đề từ giám khảo sau khi kết thúc phần trình bày.)				
	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)	CĐR (L)
Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 3	Số câu: 2	Số câu: 0
Phần 3 (5,0 điểm)	Miêu tả tranh (thí sinh bốc thăm phần miêu tả bức tranh, có 5 chủ đề theo hình ảnh, mỗi bức tranh cần miêu tả 5 ý chính: what-when-where-how-your feelings).				
	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)	CĐR (L)
Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1
Tổng số câu: 11 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%

P.TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trần Nữ Diễm My

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tiếng anh chuyên ngành
- Mã học phần: 06CQ1212
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐					
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐	

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP		tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		tiết
Lý thuyết:	45	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:	105	tiết
Thực hành:		tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:		tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học thuật ngữ chuyên ngành truyền thông, nhằm giúp người học nâng cao kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành. Người học được giới thiệu cơ bản về truyền thông đại chúng, hoạt động truyền thông và công nghệ, các loại hình truyền thông đa phương tiện và những xu hướng phát triển của truyền thông hiện đại.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: McIntosh, Shawn; Pavlik, John V (2017). *Converging media: a new introduction to mass communication (5th ed.)* NXB Oxford
- Tài liệu tham khảo/bổ sung:
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành truyền thông	PLO 3 PLO 4	4
G ₂	Củng cố những kiến thức cơ bản về truyền thông và các lĩnh vực liên quan đến truyền thông đa phương tiện.	PLO 1, PLO 2	4
G ₃	Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu tài liệu trong các lĩnh vực liên quan.	PLO 7, PLO 8 PLO 9	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Tiếng Anh chuyên ngành với CDR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Tiếng Anh chuyên ngành.

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành	Các chuẩn đầu ra của độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 9
Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiếng Anh chuyên ngành được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Liên hệ được các kiến thức cơ bản về truyền thông và các loại truyền thông đa phương tiện	4.0	PLO 1 PLO 6
G1.2	Giải thích được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành về truyền thông và các loại hình truyền thông đa phương tiện	4.0	PLO 2 PLO 5
G2.1	Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành khi làm bài tập, thuyết trình và thảo luận nhóm bằng tiếng Anh	5.0	PLO 4 PLO 8
G2.2	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm	5.0	PLO 3 PLO 9
G3.1	Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu	4.0	PLO 4 PLO 7
G3.2	Phát triển năng lực đánh giá, phân tích mức độ tin cậy, chính xác của thông tin	4.0	PLO 8 PLO 10

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Mass Communication and Its Digital Transformation	4	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học.	
	Three Types of Convergence								
	Implications of Convergence								
	Mass communication in the digital age								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
Buổi 3&4	Chương 2: Media literacy in the digital age						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
	What is media literacy								
	What makes mediated communication different?								
	Developing Critical Media-literacy skills								
Buổi 5&6	Chương 3: Visual Media: Photography, Movies and Television	4					G2.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Photography								
	Movies								
	Television								
Buổi 7&8	Chương 4: Interactive Media: The Internet, Video Games and Augmented Reality	6					G2.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Interactivity and Interactive Media								
	The Internet								
	Video Games								
	Augmented Reality								
Buổi 9	Chương 5: Social media	12					G3.1	Yêu cầu tại lớp:	



Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
&10 &11								Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Defining social media								
	What is 'social' about social media?								
	Types of social media								
	The impact of social media								
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

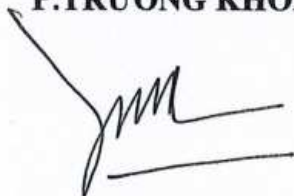
Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Bảo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

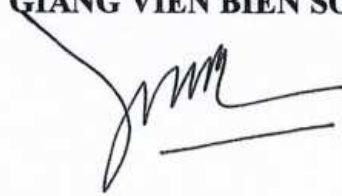
STT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
01	Kết thúc học phần	Trắc nghiệm	60%

P.TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Thành Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TỔ CHỨC SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình
- Mã học phần: 06CQ1225
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Đại học
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐				
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP			TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN		
		tiết			tiết
<i>Lý thuyết:</i>	45	tiết	<i>Đọc tài liệu ở nhà:</i>	105	tiết
<i>Thực hành:</i>		tiết	<i>Làm bài tập ở nhà:</i>		tiết
<i>Thảo luận / Thuyết trình:</i>		tiết	<i>Làm việc nhóm:</i>		tiết
<i>Hoạt động khác:</i>		tiết			

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần cung cấp những kiến thức chung về truyền hình, như: các khái niệm và thuật ngữ; đặc trưng loại hình; lịch sử truyền hình thế giới và Việt Nam; hệ thống đài truyền hình quốc gia và địa phương; cơ cấu tổ chức và hoạt động của một đài truyền hình; vai trò và nhiệm vụ của các thành viên trong ekip sản xuất chương trình; cấu trúc chương trình truyền hình; kế

hoạch sản xuất và phân bổ chương trình phát sóng; quy trình sản xuất chương trình truyền hình và tổng quan về các thể loại truyền hình.

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính: tập bài giảng của giảng viên
- Tài liệu tham khảo/bổ sung: PGS.TS. Dương Xuân Sơn (2014), *Các loại hình báo chí truyền thông*, NXB. Thông tin và truyền thông.
- Trang Web/CDs tham khảo

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Cung cấp cho người học những kiến thức chung về cách thức sản xuất một chương trình truyền hình, để sau khi ra trường người học có thể tác nghiệp được trong lĩnh vực ngành phát thanh – truyền hình	PLO 3 PLO 4	4
G ₂	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học.... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập.	PLO 1, PLO 2	4
G ₃	Trang bị kiến thức về xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hậu kỳ.. và khả năng lập luận, thuyết trình hiệu quả.	PLO 7, PLO 8 PLO 9	4

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình với CĐR Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện cho học phần Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.

Học phần Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	Các chuẩn đầu ra của độ ITU của Chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện phân nhiệm cho học phần							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 8	PLO 9
Trình độ năng lực	4.0	4.0	5.0	4.0	4.0	4.0	5.0	4.0
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	U	U	U	U	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập	4.0	PLO 1 PLO 6
G1.2	Áp dụng được các kiến thức về lý thuyết, mô hình truyền thông vào việc phân tích sự phát triển của các phương tiện truyền thông tại Việt Nam	4.0	PLO 2 PLO 5
G2.1	Áp dụng được các kiến thức về các đặc điểm, xu hướng truyền thông để hiểu được tính chất, vai trò của ngành học trong sự phát triển chung của xã hội	5.0	PLO 4 PLO 8
G2.2	Thực hiện được các quy trình của việc tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	5.0	PLO 3 PLO 9
G3.1	Thực hiện được một cách sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hậu kỳ	4.0	PLO 4 PLO 7
G3.2	Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin và tổng hợp thông tin về các lĩnh vực truyền thông	4.0	PLO 8 PLO 10

I.E
G
O

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		ET	BT	TH	TL				
Buổi 1&2	Chương 1: Sự hình thành và phát triển của báo truyền hình	4	0	0	0	0	G1.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học.	
	Lịch sử truyền hình								
	Quy trình sản xuất chương trình truyền hình								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
Buổi 3&4	Chương 2: Quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí						G1.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao	
Buổi 5&6	Chương 3: Bình luận truyền hình	4					G2.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
Buổi 7&8	Chương 4: Phóng sự truyền hình	6					G2.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
Buổi 9 &10	Chương 5: talkshow truyền hình	4					G3.1	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ	

GIÁC

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
								và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
Buổi 11	Chương 6: Voxpop truyền hình	5					G3.2	Yêu cầu tại lớp: Sinh viên thuyết trình bài học. Sinh viên đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời Tham gia vào những hoạt động trên lớp để hiểu rõ và nắm vững bài học. Yêu cầu tại nhà : Đọc và tìm hiểu về đề tài được giao.	
	Tổng	45							

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMD

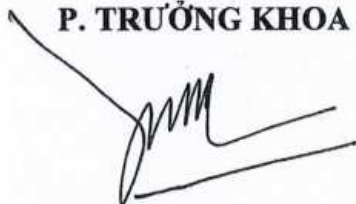
Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
	A1.1. Đánh giá chuyên cần	G3	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp (bài tập báo cáo tiến độ và thực hành nhóm)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề lý thuyết và thực hành <u>Kỹ năng</u> : trình bày rõ ràng, mạch lạc <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Khả năng làm việc nhóm, sáng tạo và ứng dụng kiến thức chuyên ngành	10%
	A2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ (Báo cáo và thuyết trình sơ bộ)	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	<u>Kiến thức</u> : lý thuyết liên quan đến chuyên môn <u>Kỹ năng</u> : tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Phân tích vấn đề, ứng dụng công cụ và đề xuất giải pháp	20 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Báo cáo cuối kỳ	G1 G2 G3	<u>Kiến thức</u> : tổng hợp <u>Kỹ năng</u> : tiêu chí kỹ thuật, sáng tạo và độ chính xác <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Kiến thức tổng hợp, kỹ năng trình bày, phản biện	60%

8. MA TRẬN CÂU HỎI THI

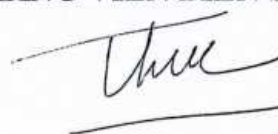
STT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
01	Kết thúc học phần	Tiểu luận cá nhân	60%

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Tri Thức

